



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

NỘI DUNG

Thông tin chung

1. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
2. Giới thiệu
3. Quá trình hình thành và phát triển
4. Lĩnh vực hoạt động
5. Mô hình quản trị, tổ chức và bộ máy quản lý
6. Định hướng phát triển
7. Quản trị rủi ro

Tình hình hoạt động 2017

1. Đánh giá chung
2. Tình hình nhân sự và chính sách lao động
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo của Ban Giám Đốc

1. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017
2. Kế hoạch điều hành năm 2018

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo của Ban Kiểm Soát

1. Thành viên Ban kiểm soát
2. Báo cáo của Ban kiểm soát

Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Báo cáo tài chính kiểm toán

“NĂM 2017 ĐÁNH DẤU MỘT BƯỚC CHUYỂN MÌNH TO LỚN CỦA CÔNG TY VỚI CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC. CÓ ĐƯỢC KẾT QUẢ NÀY, CHÚNG TÔI BIẾT ƠN NIỀM TIN CỦA KHÁCH HÀNG, ĐỀ CAO SỰ ỦNG HỘ CỦA QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ CẢM ƠN SỰ ĐÓNG GÓP, NỖ LỰC CỦA TOÀN THỂ ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN ”



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý Khách hàng, Cổ đông và Toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty

Năm 2017 chứng kiến sự bùng nổ của thị trường chứng khoán Việt Nam, không chỉ tăng về mặt điểm số hay thanh khoản, mà qui mô vốn hóa đã có bước đột phá mạnh mẽ. Chỉ số Vn-Index tăng 43% so với cuối năm 2016 – mức cao nhất gần 10 năm trở lại đây. Mức vốn hóa thị trường đạt gần 3.360 nghìn tỷ đồng, tăng 73% so với cuối năm 2016, tương đương 74,6% GDP, vượt chỉ tiêu đặt ra cho năm 2020. Thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt gần 5.000 tỷ đồng/phiên, tăng 63% so với bình quân năm 2016. Sự tăng trưởng ấn tượng này xuất phát từ nhiều yếu tố thuận lợi trong nước cũng như quốc tế. Đầu tiên, phải kể đến sự khởi sắc của các nền kinh tế lớn trên thế giới và đà tăng của thị trường chứng khoán toàn cầu. Thứ hai là sự ổn định của nền kinh tế cũng như chính trị trong nước. Các vấn đề như lạm phát, lãi suất, tỷ giá, đều rất thuận lợi. Dự trữ ngoại hối lập kỷ lục, GDP đạt 6,81%. Đặc biệt, sự thành công của hội nghị APEC đã nâng cao hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo niềm tin cho giới đầu tư. Thứ ba là dòng tiền ngoại được đổ vào TTCK rất mạnh mẽ. Cán cân cung cầu đã thay đổi. Những cuộc thoái vốn lớn cũng tác động vào chỉ số, tạo ra tâm lý tích cực được lan tỏa rộng.

Trong bối cảnh thị trường thuận lợi như vậy, toàn thể Ban lãnh đạo và nhân viên của Công ty đã nỗ lực hết sức để tận dụng thời cơ cũng như phát huy những tiềm năng vốn có. Nhờ vậy, kết thúc năm tài chính 2017, Công ty đã đạt mức tăng trưởng vượt trội, doanh thu hoạt động đạt 119,56 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 10,35 tỷ đồng, xuất sắc hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua từ đầu năm.

Năm qua, mảng dịch vụ khách hàng cá nhân vẫn được Công ty chú trọng duy trì và phát triển. Tính đến 31/12/2017, APECS quản lý 36.585 tài khoản khách hàng trên cả nước, tăng hơn 2.723 tài khoản so với năm 2016; cùng hệ thống mạng lưới dịch vụ hiện diện ở các tỉnh và cũng như các thành phố lớn như: Hà Nội, Huế, Tp.Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, các mảng kinh doanh khác như: môi giới, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn phát hành trái phiếu, kinh doanh vốn,...cũng có sự phát triển mạnh mẽ, đóng góp đáng kể vào kết

quả hoạt động của công ty. Từ đó, hình ảnh, thương hiệu của Công ty được khẳng định, phát triển và lòng tin của khách hàng, đối tác dành cho Công ty được củng cố.

Bước sang năm 2018, kinh tế vĩ mô được dự báo tiếp tục ổn định, đóng vai trò nền tảng hỗ trợ cho thị trường chứng khoán phát triển. Cùng với đó, các hoạt động thoái vốn, cổ phần hóa gắn liền với niêm yết tại các doanh nghiệp nhà nước sẽ giúp mở rộng nhanh quy mô niêm yết trên thị trường chứng khoán và thu hút mạnh dòng vốn từ các thị trường quốc tế. Với các cơ hội đang rộng mở, chúng tôi tin tưởng rằng, năm 2018 nói riêng và những năm tiếp theo nói chung, Công ty sẽ tiếp tục đạt được những thành công nhất định, mở rộng thị phần và khẳng định vị trí của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin gửi tới Quý cổ đông lời cảm ơn chân thành nhất vì đã tin tưởng đồng hành cùng Công ty trong các năm qua và mong rằng Quý cổ đông sẽ tiếp tục ủng hộ trong các năm tiếp theo. Hội đồng quản trị sẽ luôn cố gắng làm việc hết sức mình nhằm đáp lại những kỳ vọng, tin tưởng của Quý Cổ đông đã dành cho chúng tôi và không ngừng nỗ lực để xây dựng Công ty thành địa chỉ đáng tin cậy và đem lại lợi ích cao nhất cho Quý Cổ đông, và cho xã hội.

Kính chúc Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Apec sức khỏe, hạnh phúc, thành công trong cuộc sống.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đỗ Lăng

Thông tin khái quát

Tên gọi:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương
Tên giao dịch quốc tế:	Asia – Pacific Securities Joint Stock Company
Tên viết tắt:	Apec Securities .,JSC
Trụ sở chính:	Tầng 2&3Machinco building, 444 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội
Giấy phép HKDCK:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 37/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
Điện thoại:	(84.24) 3.573 0200
Fax:	(84.24) 3.577 1969
Website:	www.apec.com.vn
Mã cổ phiếu:	APS tại HNX
Vốn điều lệ:	390.000.000.000 VNĐ

GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

TIÊU BIỂU

APEC cung cấp dịch vụ cho khách hàng trên cả nước, tập trung tại các thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.



Nhiều Trung tâm giao dịch trực tuyến, chi nhánh trên toàn quốc đang hoạt động. Số lượng các đơn vị trung tâm vẫn tiếp tục tăng thêm trong những năm qua.

CÔNG TY DUY TRÌ ỔN ĐỊNH

Quản lý 36 585 tài khoản

DOANH THU HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

119,5 Tỷ đồng

Với bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm hoạt động trên thị trường, APECS đã từng lọt vào trong TOP 10 công ty chứng khoán xét theo thị phần môi giới tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.



Lao động trình độ trên Đại Học



Lao động trình độ Đại Học



Lao động trình độ Cao Đẳng



Số lượng **44** người

Tầm nhìn:

- Top 10 công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong 3 năm tới
- Top 10 dịch vụ Môi giới với 5% thị phần
- Top 5 dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Sứ mệnh:

- Gia tăng giá trị cổ đông thông qua việc quản trị doanh nghiệp minh bạch và hiệu quả với mục tiêu đạt quy mô \$100tr vào năm 2020
- Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về tài chính, chứng khoán
- Trở thành nhà tư vấn quản trị, tài chính cho các doanh nghiệp tại Việt Nam

Giá trị cốt lõi:

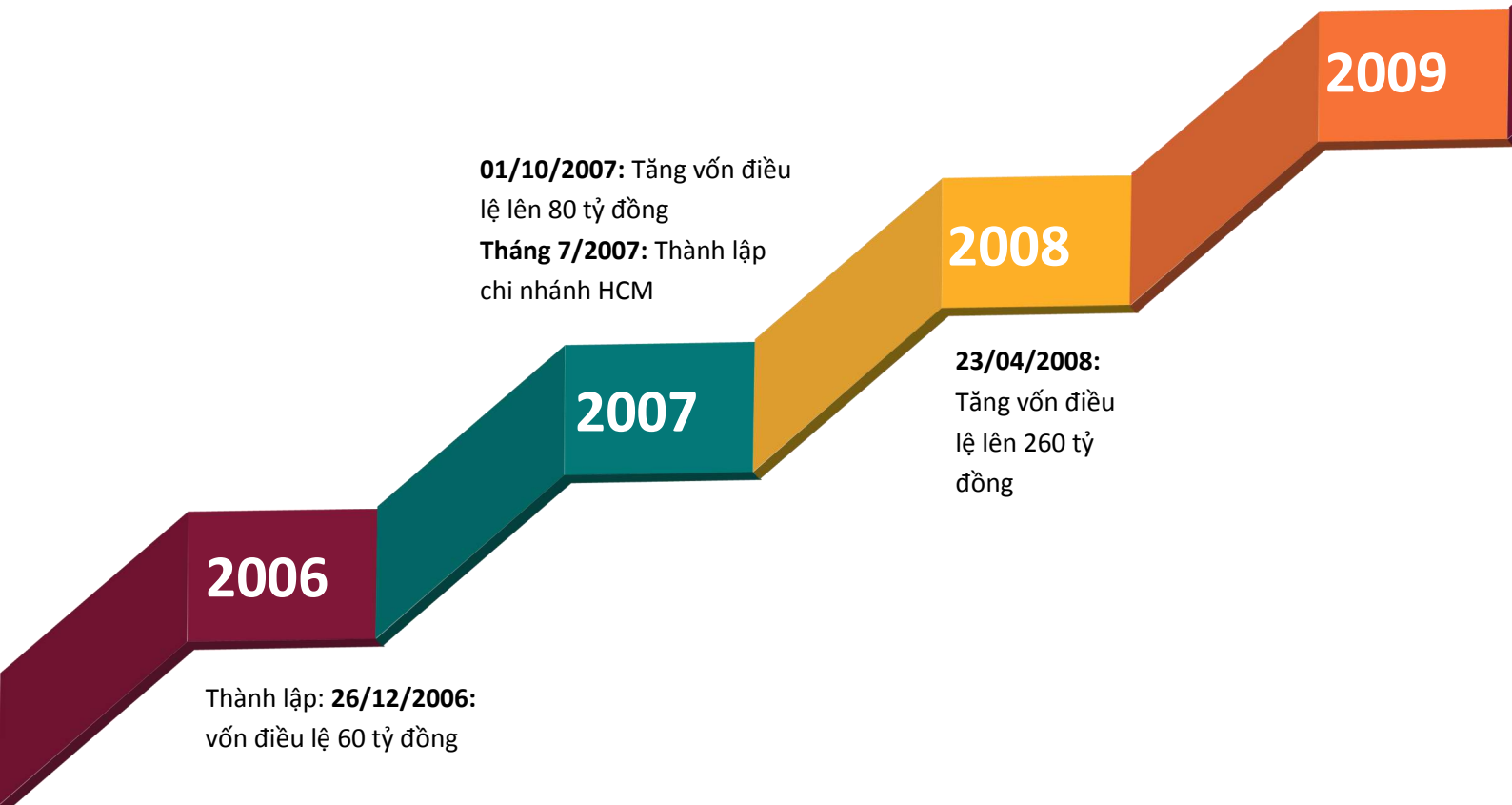
- Trách nhiệm, tận tâm, hiệu quả

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

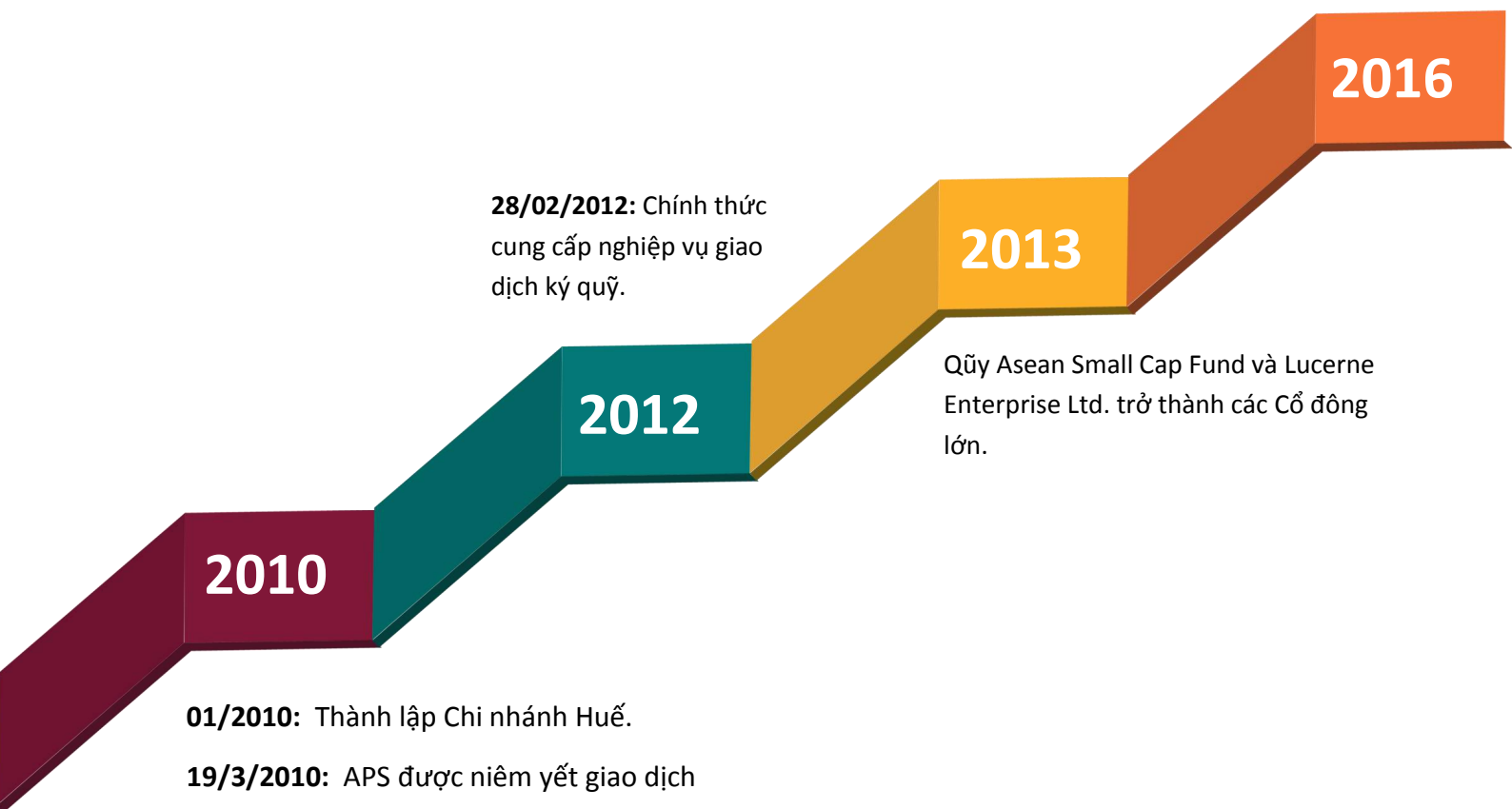
Kể từ khi thành lập năm 2007 đến nay, APEC Securities đã mở 41 chi nhánh và trung tâm giao dịch trực tuyến tại các tỉnh và thành phố lớn như Hải Phòng, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hoá, Bắc Ninh, Hải Dương, Vinh, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Nha Trang, Vũng Tàu, Tây Ninh, Cần Thơ, Vĩnh Long, vv... Phát triển các trung tâm giao dịch cả về chiều rộng và chiều sâu là ưu tiên hàng đầu của APEC Securities. Bên cạnh phát triển công nghệ ngày càng tiên tiến và hiện đại, mạng lưới trải rộng của APEC Securities sẽ góp phần phục vụ nhà đầu tư tốt hơn mọi lúc mọi nơi.



24/6/2009: Cổ phiếu APS chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM



Đánh dấu 10 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán với nhiều thành tích nổi bật.



28/02/2012: Chính thức cung cấp nghiệp vụ giao dịch ký quỹ.

2013

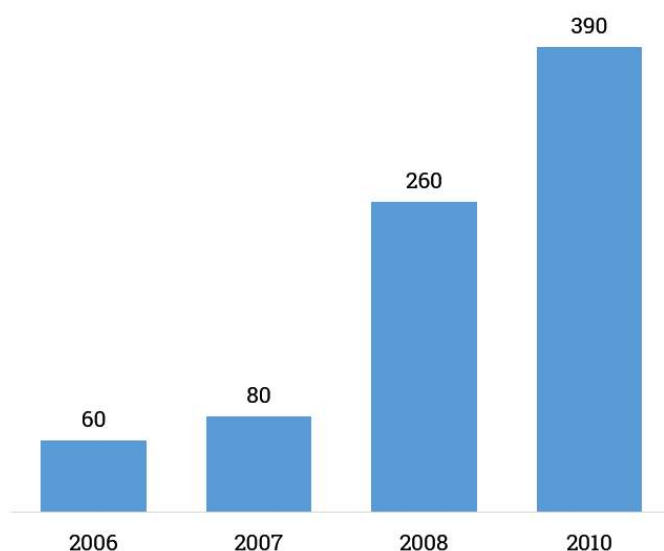
Quỹ Asean Small Cap Fund và Lucerne Enterprise Ltd. trở thành các Cổ đông lớn.

2012

2010

- 01/2010:** Thành lập Chi nhánh Huế.
- 19/3/2010:** APS được niêm yết giao dịch trên HNX
- 07/2010:** Tăng vốn điều lệ lên 390 tỷ
- 07/2010:** Thành lập chi nhánh Đà Nẵng.
- 09/2010:** Chi nhánh Vinh được cấp phép hoạt động

Vốn điều lệ: Tỷ đồng



LĨNH VỰC KINH DOANH



Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á—Thái Bình Dương hoạt động trên thị trường với đa dạng các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực tài chính chứng khoán như: môi giới, lưu ký chứng khoán, phân tích, tư vấn...

Dịch vụ môi giới chứng khoán

Là Công ty chứng khoán hoạt động được 8 năm, APECS luôn là địa chỉ tin cậy của các nhà đầu tư. Hiện nay công ty có khoảng trên 37.000 khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán. APECS đã từng lọt vào trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới tại HNX.

Lưu ký chứng khoán

APEC Securites cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ, giao dịch ký quỹ cho vay, ứng trước tiền bán,.... Dịch vụ lưu ký do Công ty cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật.

Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp

Với phương châm “Luôn đồng hành cùng doanh nghiệp”, các chuyên gia của APEC luôn cố gắng đáp ứng tối đa các yêu cầu ngày càng cao và phức tạp của nhiều nhóm đối tượng khách hàng.

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, APEC Securities cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ đa dạng bao gồm:

- ◆ Tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp và cổ phần hóa
- ◆ Tư vấn thoái vốn nhà nước
- ◆ Tư vấn IPO
- ◆ Tư vấn đăng ký giao dịch, niêm yết
- ◆ Tư vấn phát hành trái phiếu
- ◆ Tư vấn định giá và thẩm định đầu tư
- ◆ Tư vấn tái cấu trúc tài chính
- ◆ Tư vấn M&A
- ◆ Tư vấn bán đấu giá cổ phần



Phân tích & tự doanh chứng khoán

Với đội ngũ chuyên gia am hiểu thị trường, APECS tự mình thực hiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán vì mục tiêu lợi nhuận:

- ◆ Thực hiện thẩm định đầu tư; viết báo cáo thẩm định đầu tư và quản lý danh mục đầu tư
- ◆ Định kỳ đánh giá hiệu quả đầu tư

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Địa bàn kinh doanh: APECS cung cấp dịch vụ cho khách hàng trên cả nước. Tuy nhiên, hiện tại phần lớn khách hàng tập trung tại các thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

- **HỘI SỞ:**

Địa chỉ: Tầng 2&3, Tòa nhà Machinco Building, Thám, Tây Hồ, Hà Nội.

Điện thoại: 043 -573 0200

Fax: 043 - 577 1969

Fax: (84-8) 39151955

- **CHI NHÁNH HUẾ:**

Địa chỉ: Tầng 9 số 28 Lý Thường Kiệt, Thành phố Huế

Điện thoại: 054. 388 2882

- **CHI NHÁNH HCM:**

Địa chỉ: Tầng 04 130 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp HCM

Điện thoại: (84-8) 39151956

Fax: (84-8) 39151955



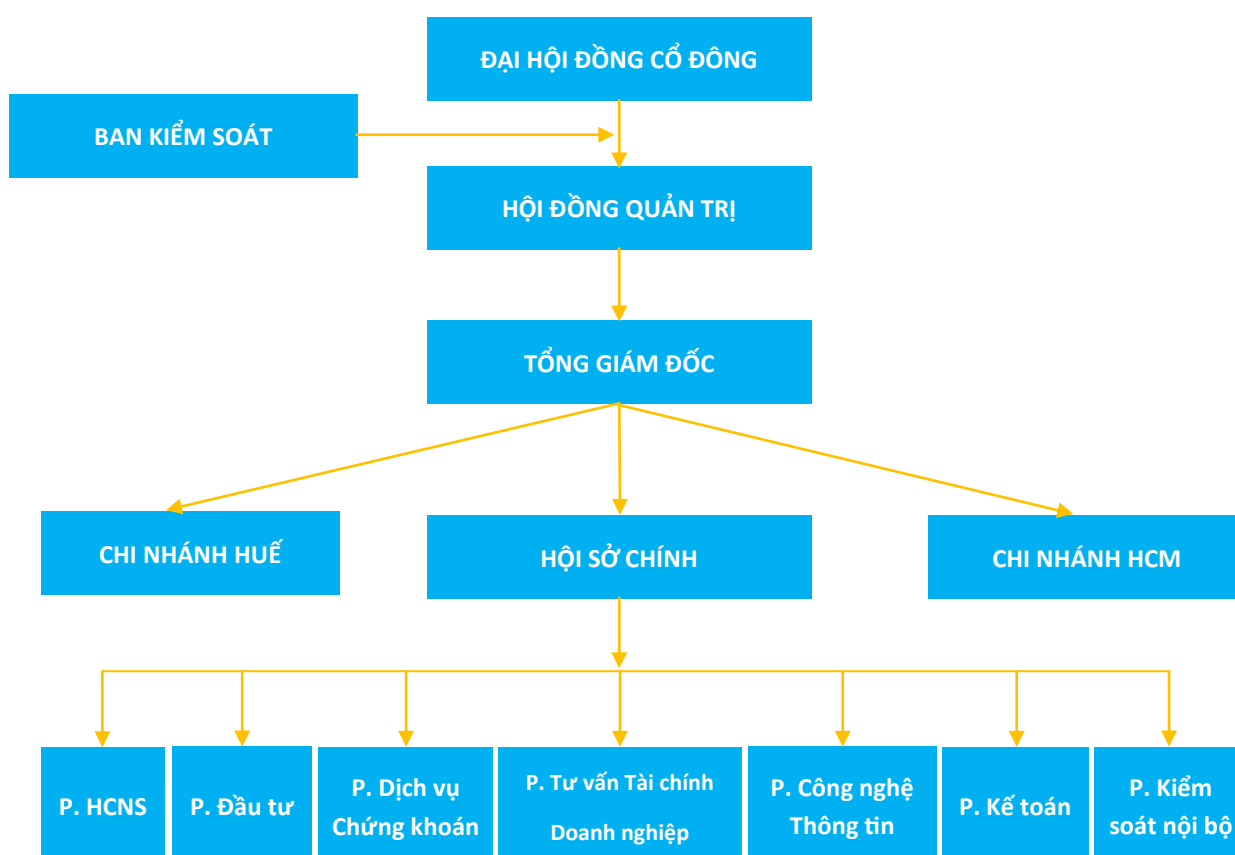
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương hoạt động theo mô hình quản trị công ty đại chúng bao gồm Đại hội Đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh và các Giám đốc Khối chức năng.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối, Giám đốc Chi nhánh.

Mô hình quản trị Công ty đã được xây dựng theo hướng tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Do vậy, đã phát huy được hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị (HĐQT) đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị thông qua hệ thống các quy chế quản trị về chiến lược, đầu tư, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ.

Cơ cấu bộ máy quản lý của APEC Securities



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: APECS phấn đấu trở thành một trong TOP 10 công ty chứng khoán tại Việt Nam để phục vụ tối đa nhu cầu của tất cả các khách hàng trong và ngoài nước.

Tập trung nguồn lực phát triển hệ thống hạ tầng hiện đại, mở rộng mạng lưới chi nhánh, trung tâm giao dịch trực tuyến trên khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam phục vụ nhu cầu đầu tư chứng khoán của tất cả các đối tượng nhà đầu tư; xây dựng đội ngũ chuyên gia, chuyên viên có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, tận tâm, nhiệt huyết; không ngừng phát triển hệ thống sản phẩm dịch vụ, tiện ích phục vụ thị trường hiện tại và tương lai theo sự phát triển của xã hội, theo kịp thị trường các nước phát triển.

Chúng tôi luôn suy nghĩ rằng:

SMART—HARDWORKING



TOP

10

DỊCH VỤ MÔI GIỚI

DOANH NGHIỆP

\$100 mil

Vào năm 2020

TOP

5

Dịch vụ Tư vấn

QUẢN TRỊ RỦI RO

APS luôn luôn chú trọng vào công tác quản trị rủi ro. Bằng việc xây dựng các quy trình, quy định nghiệp vụ cụ thể của từng phòng ban, thiết lập quy định quản lý rủi ro tổng thể, và thực hiện nhất quán xuyên suốt từ cấp quản lý cao nhất đến các bộ phận nghiệp vụ, kết hợp việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên của bộ phận Kiểm soát nội bộ, APECS đã giảm thiểu những tác động tiêu cực có khả năng ảnh hưởng đến năng lực tài chính và kết quả hoạt động của công ty.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh từ những biến động bất lợi và ngoài dự kiến của thị trường như lãi suất, thị giá cổ phiếu, ... dẫn đến sự sụt giảm về giá trị tài sản của Công ty. Có thể thấy, hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán ở các mảng đầu tư tự doanh, đầu tư tiền gửi và cho vay ký quỹ chịu ảnh hưởng trực tiếp của rủi ro thị trường.

Để giảm thiểu rủi ro này, APECS xác định rằng phải đảm bảo việc phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban từ khâu theo dõi, cập nhật tình hình thị trường, cổ phiếu đến khâu đánh giá, nhận định, dự báo xây dựng chiến lược đầu tư cũng như quy trình tác nghiệp, phối hợp xử lý trong các tình huống đặc thù.



RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán xảy ra khi công ty chứng khoán không thể thu hồi đầy đủ và đúng hạn các khoản vốn đầu tư do đối tác/khách hàng không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. APECS nhận thấy rằng rủi ro thanh toán có thể hiện diện trong nhiều hoạt động kinh doanh của công ty nhưng trọng yếu là trong nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ. Để giảm thiểu tối đa rủi ro cho khách hàng và APECS, công ty đã thực hiện đa dạng hóa đối tác và phân bổ hạn mức tín dụng đối với từng đối tác. Đối với giao dịch ký quỹ, APECS thực hiện thận trọng và tuân thủ các quy định của UBCK Nhà Nước, thường xuyên đánh giá các mã cổ phiếu trong danh mục chứng khoán ký quỹ. Ngoài ra, nhằm tối đa lợi ích cho khách hàng, APECS đã không ngừng nâng cao chất lượng phân tích, dự báo xu hướng thị trường, tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư để giúp khách hàng đầu tư hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và giảm thiểu rủi ro cho khách hàng và cho chính công ty.



RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh toán xảy ra khi APECS không có khả năng thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn: không đáp ứng được nhu cầu giải ngân mua ký quỹ chứng khoán của nhà đầu tư cũng như không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán bù trừ với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Rủi ro thanh khoản nếu xảy ra có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán. Vì vậy, APECS luôn chú trọng đối với các hoạt động nguồn vốn từ việc lên kế hoạch, dự kiến thu chi, huy động đến phân bổ nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh và hiệu quả về mặt chi phí. Với chủ trương quản trị rủi ro thanh khoản chặt chẽ, APECS đã xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống báo cáo nhằm quản trị dòng tiền, đảm bảo thông tin được cập nhật kịp thời với độ chính xác cao.

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO VẬN HÀNH

Rủi ro vận hành và tuân thủ xảy ra khi nhân viên công ty thực hiện không đúng hoặc không đủ quy trình được yêu cầu. Để hạn chế những rủi ro này, APECS xây dựng các quy trình hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể của từng bộ phận, đảm bảo có kiểm soát chéo trong hoạt động nghiệp vụ hàng ngày, thực hiện tự động hóa nhằm giảm thiểu rủi ro từ thao tác thủ công hoặc cố ý từ con người gây ra. Bên cạnh đó liên tục đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên. Ngoài ra, APECS đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ từ nhiều năm nay, thường xuyên kiểm tra tại các bộ phận nhằm đảm bảo tính tuân thủ cao. Các báo cáo kiểm soát đã giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi quy trình nghiệp vụ và đề xuất các biện pháp khắc phục sai sót, giảm thiểu rủi ro.



RỦI RO HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ - BẢO MẬT THÔNG TIN

Các rủi ro về hệ thống công nghệ thông tin có thể phát sinh như: mất kết nối, gián đoạn giao dịch của khách hàng, sai lệch, mất số liệu của khách hàng, xâm nhập của hacker làm rối loạn hệ thống, rò rỉ thông tin khách hàng và của công ty. Để hạn chế các rủi ro này, công ty đã và đang triển khai xây dựng hệ thống dự phòng đầy đủ, liên tục và dài hạn để giảm thiểu rủi ro mất kết nối, làm gián đoạn giao dịch của khách hàng. Đồng thời, APECS đã xây dựng các tầng bảo mật cùng hệ thống phòng chống virus hiệu quả nhằm nâng cao khả năng phát hiện và xử lý virus, hacker xâm nhập, đảm bảo an toàn về bảo mật thông tin.



RỦI RO PHÁP LUẬT

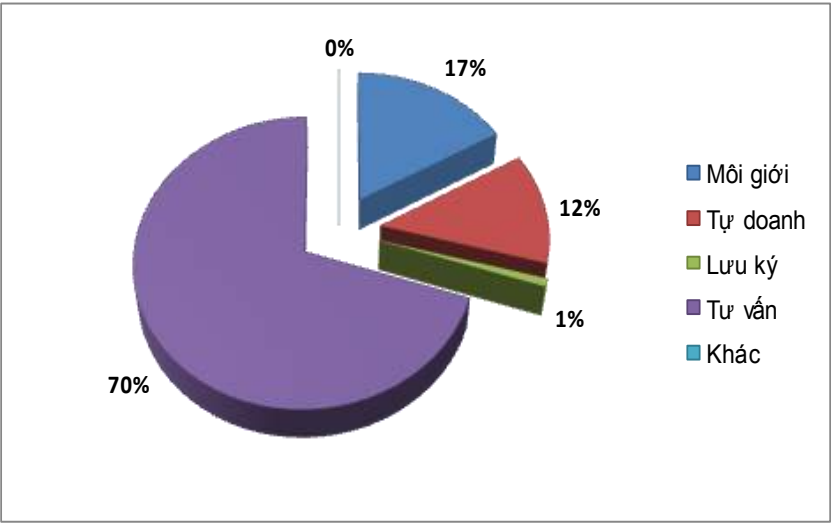
Rủi ro pháp luật xảy ra khi sự thay đổi về các quy định pháp luật liên quan đến các mảng hoạt động kinh doanh của công ty chưa được cập nhật kịp thời dẫn đến xảy ra sai sót trong việc thực hiện. APECS đã hạn chế những rủi ro này bằng việc thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới, cử nhân viên tham gia các buổi hội thảo lấy ý kiến, các buổi tập huấn để nâng cao nhận thức về hệ thống pháp luật chuyên ngành.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán bùng nổ năm 2017, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã nhanh chóng nắm bắt thời cơ, tận dụng nguồn lực nhằm đẩy mạnh các mảng hoạt động tư vấn và đầu tư chứng khoán. Nhờ vậy, kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty đã có bước phát triển vượt bậc.

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt gần 12,95 tỷ đồng, gần gấp 3 lần so liệu của năm 2016. Lợi nhuận tăng mạnh do doanh thu hoạt động tăng cao.

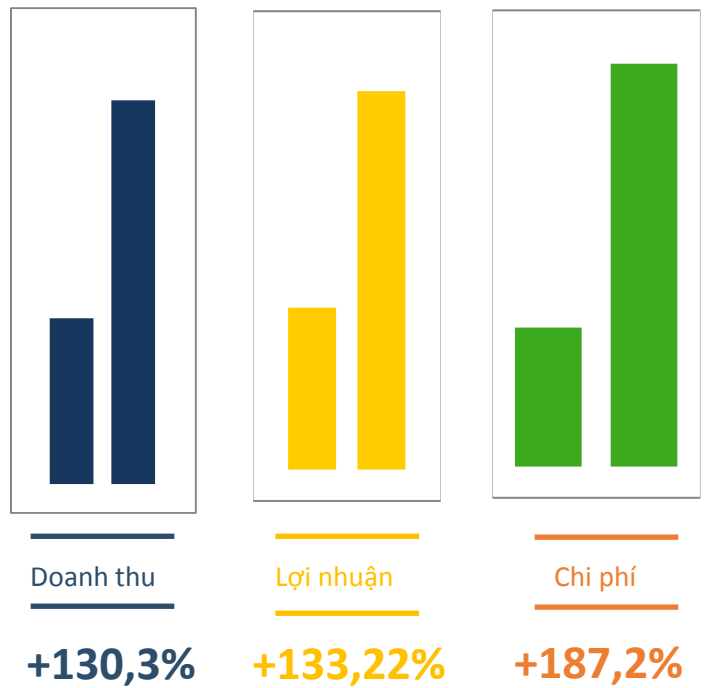


Doanh thu hoạt động năm 2017 đạt 119,56 tỷ đồng, tăng 130% so với năm 2016, chủ yếu tăng mạnh từ hoạt động vụ tư vấn và tự doanh chứng khoán. Trong năm, công ty đã nỗ lực tìm kiếm, phát triển quan hệ với nhiều đối tác, thực hiện ký kết được các hợp đồng tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp lớn. Nhờ vậy, doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính có bước nhảy vọt. Đồng thời, đội ngũ phân tích và tự doanh chứng khoán của công ty đã tích lũy kiến thức, kinh nghiệm và thực hiện đầu tư hiệu quả.

Bên cạnh đó, hoạt động truyền thống của công ty là môi giới, lưu ký chứng khoán cũng có bước phát triển ấn tượng. Tính đến 31/12/2017, APECS quản lý 36.585 tài khoản khách hàng trên cả nước, tăng 2.723 tài khoản so với năm 2016. Giá trị giao dịch môi giới năm 2017 đạt 3.722 tỷ đồng, APECS thu về gần 8 tỷ tiền phí giao dịch. Lưu ký 4.130 chứng khoán, gấp 3 lần số lượng chứng khoán lưu ký trong năm 2016.

Về mặt chi phí, chi phí môi giới chứng khoán và chi phí hoạt động tư vấn tài chính là các chi phí có mức tăng lớn trong cơ cấu chi phí hoạt động của công ty trong năm nay. Đây cũng là các chi phí gắn liền với các hợp đồng tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu công ty ký kết trong năm.

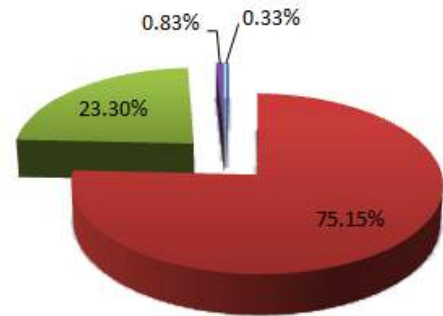
Các chỉ tiêu khác như doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có sự biến động không đáng kể.





CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần phát hành: 39.000.000 cổ phần
 Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
 Cổ phiếu đang lưu hành: 39.000.000 cổ phần



THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch của cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

- Tổ chức trong nước
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân nước ngoài

Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu >5%	4	12.701.500	32,57%
Asean Deep Value Fund		5.323.800	13,65%
Lucerne Enterprise LTD		3.200.300	8,21%
Nguyễn Đỗ Lăng		2.167.900	5,56%
Nguyễn Thu Trang		2.009.500	5,15%
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu <5%	1833	26.298.500	67,43%
Tổng cộng	1837	39.000.000	100%

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Trong năm 2017, số lượng nhân sự của công ty có sự biến động nhẹ, với 9 nhân viên nghỉ việc và tuyển mới 12 thành viên. Tổng số nhân viên của công ty tính đến ngày 31/12/2017 là 44 người.

Cơ cấu lao động theo giới tính:

Giới tính	Số lượng lao động	Tỷ lệ
Nam	21	47,7%
Nữ	23	52,3%

Cơ cấu lao động theo trình độ:

Trình độ	Số lượng lao động	Tỷ lệ
Sau đại học	7	16%
Đại học	35	79,5%
Khác	2	4,5%

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

APECS luôn lấy con người làm then chốt. Vì vậy, chính sách dành cho người lao động được xây dựng với mục tiêu giúp mỗi nhân viên có cuộc sống tốt hơn, có cơ hội học tập, thăng tiến cao hơn và cuối cùng tìm được giá trị bản thân, từ đó góp phần xây dựng thương hiệu công ty. Cụ thể, chính sách lao động của công ty bao gồm một số nội dung chính sau:

- APECS dành chính sách lương, thưởng và nhiều chế độ đãi ngộ cho các cán bộ, chuyên viên giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của công ty, nhằm tạo ra kích lệ kịp thời; đồng thời, tạo tiền đề thu hút các nhân sự có chuyên môn từ bên ngoài về xây dựng và phát triển công ty. Trong năm 2017, Công ty đã thu hút được một nhân sự cấp cao có bề dày kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng vào Ban Điều hành.
- Ngay từ khi nhân viên mới gia nhập, công ty đã tổ chức các buổi đào tạo hội nhập để giúp các nhân sự mới hiểu hơn về quá trình hình thành, triết lý kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp của công ty, từ đó nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc mới. Đồng thời, công ty cũng chú trọng quá trình đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên. Bên cạnh công tác đào tạo thông qua công việc, công ty tạo điều kiện cho các nhân viên tham gia vào các khóa học, các buổi hội thảo, đào tạo chuyên ngành bên ngoài để nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.
- APECS thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng với nhiều phòng khám đa khoa tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra sức khỏe hàng năm cho toàn bộ CBCNV. Bên cạnh đó, hàng năm công ty tổ chức các chuyến đi tham quan, nghỉ mát, các chương trình kỷ niệm ngày 8/3, 20/10,... nhằm tăng cường sự giao lưu giữa các nhân viên trong công ty, từ đó xây dựng một tập thể đoàn kết, vững mạnh.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Ban Tổng giám đốc:

Ông Nguyễn Đỗ Lăng

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huy

Giám đốc điều hành

Trưởng/phó các phòng ban:

Bà Phạm Hoài Phương

Trưởng phòng kiểm soát nội bộ

Bà Nguyễn Thị Thanh

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đức Quân

Trưởng phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp

Ông Cao Anh Chiến

Trưởng phòng công nghệ thông tin

Bà Phạm Thị Đức Việt

Phó phòng dịch vụ khách hàng

Ông Nguyễn Bá Khương

Phó phòng phân tích

Ông Phạm Duy Hưng

Giám đốc đầu tư

Ông Đặng Anh Tuấn

Giám đốc Chi nhánh Huế

Ông Nguyễn Thanh Hiền

Giám đốc Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

VĂN HÓA CÔNG TY

Văn hóa doanh nghiệp là toàn bộ những giá trị thuộc về doanh nghiệp đã được gìn giữ và bồi đắp trong suốt chiều dài hình thành và phát triển của doanh nghiệp. Những giá trị đó đã được tập thể người lao động trong doanh nghiệp trân trọng, gìn giữ và bộc lộ trong những hành vi của mình tại bất cứ đâu.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp gồm một số vấn đề căn bản như: Xây dựng triết lý hoạt động của doanh nghiệp; đạo đức kinh doanh; hệ thống hàng hóa và dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp cho thị trường; phương thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp; phương thức giao tiếp của doanh nghiệp với xã hội.

Lãnh đạo công ty luôn lấy con người làm then chốt. Song song đó là công nghệ và tài chính



làm phương tiện để con người phát huy hết khả năng của mình cho sự phát triển bền vững của Công ty. Tất cả cán bộ nhân viên trong hệ thống đều có chung một mục đích là đóng góp hết khả năng của mình để xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững. Có được thành công đó chính là nhờ vào văn hóa của Công ty



Tổ chức văn nghệ, liên hoan vào các dịp lễ tết là truyền thống nhiều năm của cán bộ nhân viên APEC securities. Chúng tôi luôn trân trọng, tận dụng những cơ hội như vậy để gia tăng tình đoàn kết, tăng tinh thần tập thể trong công việc.



Để nâng cao sức khỏe cho cán bộ công nhân viên, Ban lãnh đạo công ty tạo mọi điều kiện cho các hoạt động thể thao được diễn ra thường xuyên.

Tiêu biểu là phong trào bóng đá tại APEC. Với sự tham gia nhiệt tình của các nhân viên, đây luôn là hoạt động sôi nổi, tạo được môi trường rèn luyện lành mạnh cho nhân viên sau những giờ làm việc mệt mỏi căng thẳng.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo công ty còn thuê giáo viên về dạy Yoga cho các nhân viên trong công ty sau giờ làm việc, định kỳ vào thứ 2 và thứ 5 hàng tuần.

Con người APEC luôn yêu những chuyến đi. Chúng tôi cùng nhau đi du lịch khắp các miền Tổ quốc, cùng đi làm từ thiện đến những vùng cao, biên giới. Chung tay giúp đỡ những người có hoàn cảnh kém may mắn





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

Đánh giá tình hình chung năm 2017

Năm 2017 đánh dấu một năm tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Với nền tảng kinh tế được cải thiện kinh tế, GDP trong năm 2017 ước tính đạt tốc độ tăng trưởng 6,7% và Việt Nam đang là một điểm sáng trong khu vực.

Mức giá tiêu dùng bình quân cả năm ước khoảng 4%, lạm phát cơ bản khoảng 1,6%. Tín dụng 9 tháng tăng 12%, cơ cấu chuyển dịch tích cực, chất lượng được nâng lên; thanh khoản, an toàn hệ thống được bảo đảm. Mặt bằng lãi suất giảm, trong đó các lĩnh vực ưu tiên giảm 0,5 - 1%. Tỷ giá, thị trường vàng, ngoại tệ, giá trị đồng tiền Việt Nam ổn định.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký mới, bổ sung và mua cổ phần trong 9 tháng đạt 25,5 tỷ USD, tăng 34,3%; vốn FDI thực hiện đạt kỷ lục 12,5 tỷ USD, tăng 13,4%. Thị trường chứng khoán vượt 1.100 điểm và đang hướng tới vượt đỉnh lịch sử trong quá khứ.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2017, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc vẫn tiếp tục tập trung nguồn lực nhằm đẩy mạnh các mảng hoạt động tư vấn và đầu tư chứng khoán. Công ty tiếp tục triển khai hoạt động đầu tư tự doanh theo hướng thận trọng nhằm giảm thiểu tối đa những rủi ro thị trường.

Đánh giá các nghiệp vụ trong năm 2017

Năm 2017 là năm bứt phá của thị trường chứng khoán nói chung và của APECS nói riêng. Lượng giao dịch và tỷ lệ margin tăng so với năm 2016, dòng tiền tại Công ty ổn định và dồi dào từ nguồn tiền của Nhà đầu tư gửi lại Công ty. Cụ thể:

Hoạt động môi giới:

Doanh thu hoạt động môi giới tăng 23,7% trong khi chi phí tăng 32,0% khiến cho lợi nhuận mảng môi giới đạt mức 4,2 tỷ đồng. Chi phí trong năm gia tăng do chính sách hỗ trợ cộng tác viên để phát triển khách hàng.

Năm 2017, APECS tiếp tục khẳng định được thương hiệu và uy tín của mình trong mảng dịch vụ khách hàng cá nhân với, quản lý 36.585 tài khoản khách hàng trên cả nước, tăng hơn 2.723 tài khoản so với năm 2016; cùng hệ thống mạng lưới dịch vụ hiện diện ở các tỉnh và cũng như các thành phố lớn như: Hà Nội, Huế, Tp Hồ Chí Minh.

Hoạt động tư vấn tài chính:

Năm 2017, Ban lãnh đạo Công ty đã tiếp tục xây dựng và đẩy mạnh hoạt động tư vấn nhằm hỗ trợ cho hoạt động môi giới và tự doanh của Công ty cũng như đem lại nguồn thu nhập cho Công ty. Bên cạnh các nghiệp vụ thường thực hiện, trong năm phòng tư vấn của Công ty phát triển thêm nghiệp vụ trái phiếu và xây dựng định hướng phát triển cho nghiệp vụ này.

Các hợp đồng tư vấn của công ty trong năm 2017 thực hiện các nghiệp vụ tư vấn như tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp và cổ phần hóa, tư vấn IPO, tư vấn niêm yết, tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn định giá và thẩm định đầu tư, tư vấn tái cấu trúc tài chính, tư vấn giải pháp nâng cao năng lực tài chính,... Doanh thu và chi phí hoạt động tư vấn trong năm 2017 tăng tương ứng hơn 75 tỷ và gần 60 tỷ so với năm 2016, kết quả lợi nhuận tăng gần 13,4 tỷ đồng. Mảng tư vấn truyền thống của công ty trong năm 2017 tiếp tục được đẩy mạnh với lợi thế chi phí thấp đã tạo nguồn thu đáng kể cho công ty. Trong năm, mảng tư vấn tăng đột biến về doanh thu, chi phí theo hướng tích cực, nguyên nhân là do việc phát triển các mảng hoạt động tư vấn, môi giới phát hành trái phiếu. Doanh thu từ mảng trái phiếu chiếm đến hơn 90% doanh thu trong hoạt động tư vấn.

Lãi/ lỗ tài sản tài chính:

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận qua lãi lỗ năm 2017 đạt 14,6 tỷ đồng, giảm so với năm 2016 là 9,2 tỷ đồng về giá trị và 38,7% về tốc độ. Đồng thời Lỗ từ tài sản tài chính giảm 41,5% từ 19,4 tỷ xuống còn 11,4 tỷ khiến cho lợi nhuận trong năm của công ty trong hoạt động đầu tư chứng khoán đạt 3,2 tỷ. Nguyên nhân do năm 2017 Công ty định hướng đầu tư dài hạn, hạn chế dòng tiền vào các cổ phiếu rủi ro nên doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong năm từ mảng đầu tư chứng khoán góp vốn có sự sụt giảm trong ngắn hạn.

Doanh thu hoạt động cho vay margin:

Đánh giá chung công ty vẫn duy trì các khoản lãi từ việc cho vay và khoản phải thu, lãi từ các khoản cho vay và phải thu của công ty giảm hơn 700 triệu đồng với tốc độ giảm 7,9% so với năm 2016.

Công nghệ thông tin

Với việc tiếp tục chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin cho tất cả các hoạt động của công ty đặc biệt là sự cố gắng của bộ phận IT trong việc xây dựng các chương trình quản lý máy chủ, ứng dụng, số hóa đã giúp công ty cắt giảm các chi phí không cần thiết, tăng năng suất và chất lượng công việc.

Sự kiện nổi bật trong thời gian qua là sự cố kỹ thuật vào ngày 22/01/2018 khiến cho sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh bị ngừng giao dịch trong nhiều ngày. Để khắc phục sự cố này, bộ phận IT của Công ty đã phải làm việc liên tục trong thời gian khắc phục để đảm bảo khả năng giao dịch cho Nhà đầu tư.

Kết quả kinh doanh năm 2017

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	% thay đổi
Doanh thu thuần	51.921.766.090	119.564.396.638	130,3%
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	32.734.571.682	94.149.867.619	187,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.943.128.740	1.646.867.619	-15,3%
Chi phí tài chính	8.872.778	-	-
Chi phí quản lý chung	13.458.882.256	14.044.396.266	4,4%
Kết quả hoạt động	7.662.568.114	13.016.393.026	69,9%
Lợi nhuận trước thuế	4.873.251.006	12.946.667.553	165,7%
Chi phí thuế TNDN	433.617.563	2.592.231.875	497,8%
Lợi nhuận sau thuế thực hiện	4.439.633.443	10.354.435.678	133,2%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017)

Năm 2017, doanh thu thuần của công ty tăng hơn 67,6 tỷ đồng, tăng khoảng 130,3%. Như đã nói ở trên, Doanh thu thuần của Công ty tăng trưởng chủ yếu từ mảng tư vấn trái phiếu. Doanh thu thuần tăng trưởng ấn tượng là yếu tố chính giúp Kết quả hoạt động của Công ty trong năm đạt mức 13,0 tỷ đồng. Trong năm 2017, Công ty không phát sinh các khoản thu nhập khác, nhờ vậy mức lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm đạt gần 10,4 tỷ, gấp 2,33 lần so với kết quả năm 2016.

Các vấn đề còn tồn tại

- ◆ Hiệu quả của hoạt động môi giới chưa cao do cạnh tranh và chi phí hoạt động lớn. Đồng thời thị phần môi giới không tăng trưởng mặc dù số lượng tài khoản mở trong năm tăng trưởng.
- ◆ Thương hiệu chưa có sức cạnh tranh mạnh khiến Công ty phải giảm phí trong nhiều hợp đồng để thu hút thêm khách hàng.
- ◆ Thiếu hụt nhân sự tại các mảng hoạt động của Công ty, đặc biệt là các nghiệp vụ mới về trái phiếu.
- ◆ Hệ thống máy móc, công nghệ của Công ty có dấu hiệu xuống cấp do khấu hao trang thiết bị.
- ◆ Bộ phận phân tích còn chưa chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư đặc biệt trong giai đoạn tăng trưởng của thị trường chứng khoán trong năm 2017.

KẾ HOẠCH ĐIỀU HÀNH NĂM 2018

Kế hoạch kết quả kinh doanh năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (đơn vị: đồng)
1	Doanh thu hoạt động	70.600.000.000
1.1	Môi giới	12.000.000.000
1.2	Tư vấn	30.000.000.000
1.3	Doanh thu margin và ứng trước	10.000.000.000
1.4	Doanh thu hoạt động lưu ký	1.000.000.000
1.5	Hoạt động tự doanh	17.400.000.000
1.6	Doanh thu khác	200.000.000
2	Chi phí hoạt động	43.045.000.000
2.1	Chi phí môi giới	8.000.000.000
2.2	Chi phí tư vấn	27.045.000.000
2.3	Giá vốn tự doanh	7.000.000.000
2.4	Chi phí khác	1.000.000.000
3	Chi phí quản lý	14.500.000.000
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.000.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế	15.055.000.000
6	Thuế TNDN	3.011.000.000
7	LNST	12.044.000.000

Phương hướng kinh doanh năm 2018

Mục tiêu của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc APS trong năm 2018 và các năm tiếp theo là tiếp tục ổn định - phát triển - đầu tư công nghệ - nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự - đa dạng các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho nhà đầu tư, quảng bá thương hiệu trên thị trường chứng khoán. Cùng với dự báo tình hình TTCK Việt Nam năm 2018, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra chiến lược trong năm 2018 như sau:

- ◆ Tiếp tục cơ cấu lại bộ máy hoạt động theo hướng: an toàn và hiệu quả.
- ◆ Nợ xấu được quản lý và trích lập dần vào kết quả hoạt động kinh doanh các năm tiếp theo, mức trích lập cân đối với lợi nhuận từng năm.
- ◆ Về hoạt động môi giới: Tập trung gia tăng hiệu quả hoạt động môi giới thông qua chính sách mở rộng thị phần, tăng nhân sự bán hàng và tập trung vào nhóm khách hàng lớn.
- ◆ Hoạt động tự doanh: Đầu tư theo danh mục an toàn, triển khai xây dựng hoạt động mua bán trái phiếu thứ cấp.
- ◆ Hoạt động tư vấn tài chính: Mở rộng quan hệ với khách hàng, phát triển các nghiệp vụ trái phiếu, fintech.
- ◆ Công nghệ thông tin: Đầu tư hiện đại hóa hệ thống CNTT, tập trung phần mềm dịch vụ phục vụ quản trị điều hành.
- ◆ Về nhân sự, tuyển dụng và thu hút đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn, đạo đức. Xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo nội bộ. Tập trung nâng cao năng suất lao động của cán bộ nhân viên.
- ◆ Phát triển các sản phẩm tài chính với mật độ cạnh tranh thấp trên thị trường.
- ◆ Kiểm soát các chi phí trong quá trình hoạt động.

Hoạt động dịch vụ chứng khoán

Tiếp tục mở rộng mạng lưới và khu vực địa lý của khách hàng

Ngoài việc mở chi nhánh, phòng giao dịch trực thuộc, Ban Tổng giám đốc tiếp tục triển khai chiến lược hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước để phát triển, khách hàng tổ chức, đối tác đầu tư; qua đó học các sản phẩm mới. Với những kế hoạch đề ra, Công ty quyết tâm duy trì gia tăng thị phần về môi giới chứng khoán.



Đổi mới công nghệ

- ◆ Trong năm 2018, APS sẽ đầu tư mới, hiện đại hóa hệ thống Công nghệ thông tin trong đó tập trung vào việc cung cấp cho các nhà đầu tư sản phẩm thuận tiện hơn cùng với việc tiếp tục nâng cấp trang Web công ty và tính năng tiện ích, tốc độ truy cập, chất lượng các bản tin. Đặc biệt, Công ty sẽ phát triển các phần mềm quản trị nội bộ để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý.
- ◆ Công ty đặt kế hoạch đầu tư và nghiên cứu các sản phẩm mới trong lĩnh vực trái phiếu phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Trong đó, kế hoạch quan trọng nhất là xây dựng một thị trường trái phiếu giữa các doanh nghiệp Công ty cung cấp dịch vụ.
- ◆ Trên cơ sở nhận định xu hướng fintech trên thị trường hiện nay, Ban Giám đốc đặt mục tiêu cũng như kỳ vọng mở rộng hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty sang các hoạt động fintech bằng cách kết hợp đầu tư với đối tác hoặc thu hút nhân tài về phát triển tại công ty.

Nâng cao Dịch vụ

- ◆ Bên cạnh việc phát triển mạng lưới, APS cũng đồng thời phát triển sản phẩm và dịch vụ cho các Nhà đầu tư. Đặc biệt trong năm 2018, bên cạnh các dịch vụ truyền thống, công ty chuẩn bị điều kiện phát triển chứng khoán phái sinh để có thể cung cấp dịch vụ ngay khi được Cơ quan Nhà nước thẩm quyền cho phép. Bên cạnh sản phẩm dịch vụ, công ty tập trung nâng cao trình độ đội ngũ theo chiều sâu, tăng năng lực môi giới, khả năng cập nhật thông tin và phát hiện các cơ hội đầu tư.
- ◆ Bên cạnh việc phát triển và hoàn thiện những sản phẩm dịch vụ, tạo cho nhà đầu tư các tiện ích trong giao dịch cũng như sự hỗ trợ vượt trội về tài chính, APS Securities đang tập trung vào đào tạo nhân lực để hướng tới đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tận tâm tạo sự thân thiết, tin tưởng, gắn bó của những khách hàng.



Hoạt động tư vấn

- ◆ Tiếp tục mục tiêu duy trì và phát huy thương hiệu tư vấn của APS trong các hoạt động tư vấn thế mạnh truyền thống như cổ phần hóa, phát hành và tái cấu trúc và nâng cao vị thế thương hiệu tư vấn của APS trong hoạt động mua bán doanh nghiệp, cụ thể:
 - ◆ Đặt mục tiêu đẩy mạnh triển khai các mảng tư vấn vốn như tư vấn cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp tốt hơn so với năm 2017.
- ◆ Tập trung vào các nghiệp vụ mới như tư phát hành trái phiếu trên cơ sở những kết quả đạt được từ năm 2017. APECS đặt mục tiêu sẽ trở thành đơn vị dẫn đầu tư vấn phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp SME.
- ◆ Tiếp tục tìm kiếm các hợp đồng tư vấn niêm yết, phát hành truyền thống song song việc tìm kiếm các khách hàng tiềm năng cho hoạt động tư vấn tái cấu trúc, phát hành niêm yết.



Hoạt động tư doanh

Việc đầu tư sẽ dựa trên việc lựa chọn các doanh nghiệp ổn định, phát triển bền vững, không đầu tư chạy theo các xu thế ngắn hạn của thị trường. Cùng với các đối tác và khách hàng, APS sẽ tập trung nguồn lực để có thể đầu tư đủ lớn, trực tiếp tham gia giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tạo dựng giá trị gia tăng và tối đa hóa lợi nhuận cho công ty cũng như nhà đầu tư.

Hoạt động quản trị rủi ro

Dự báo trong năm 2018, thị trường chứng khoán vẫn duy trì tích cực theo đà tăng trưởng năm 2017. Tuy nhiên,

Công ty sẽ có thể phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn do nhiều cổ phiếu đã được định giá cao, và mức độ tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài ngày càng lớn. Do đó, việc quản trị rủi ro danh mục đầu tư và danh mục margin cần được nâng cao hơn nữa. Hoạt động tư doanh tiếp tục với chiến lược đầu tư giá trị cơ bản và hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp tăng trưởng các giao dịch thu xếp vốn và kinh doanh trái phiếu.

Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy trình quy định quản trị rủi ro, nhận dạng và dự báo các loại rủi ro trước khi xảy ra, đồng thời thiết lập hệ thống cảnh báo kịp thời và chuẩn bị các phương án đối phó nhằm giảm thiểu các rủi ro.

Nhân sự

APS coi nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Bởi vậy để tiếp tục đảm bảo được kế hoạch nhân sự đề ra, APS đã phát triển chiến lược nhân sự nhằm thu hút những cá nhân xuất sắc, gắn bó lâu dài với Công ty. Bên cạnh hoạt động tuyển dụng đa kênh nhằm tìm kiếm những cá nhân có năng lực và đạo đức phù hợp, APS đang phát triển chương trình đào tạo nội bộ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gia tăng lợi thế cạnh tranh của Công ty. Thay đổi quan trọng nhất dẫn tới dự thành công trong năm vừa qua là sự áp dụng triết lý đạo phật vào từng hoạt động của Công ty. Nhờ vậy, tại APS, người lao động luôn được đảm bảo yếu tố hạnh phúc bao gồm: thu nhập, môi trường làm việc tốt với nhiều cơ hội phát triển.



Về chiến lược nhân sự, Công ty sẽ kết hợp việc tăng lương cho các vị trí nhân sự chủ chốt tại tổ chức, đồng thời đẩy mạnh việc tuyển dụng các “nhân tài” trên thị trường phát triển không chỉ các lĩnh vực kinh doanh truyền thống mà còn bắt kịp xu thế mới trên thị trường.

Quảng bá, phát triển thương hiệu

Với định hướng gia tăng giá trị thương hiệu APS trên thị trường Việt Nam, Ban Tổng giám đốc liên tục chỉ đạo cho các phòng ban chào bán, giới thiệu sản phẩm đến các Công ty danh tiếng trên thị trường. Đồng thời APS hiểu rõ, thương hiệu Công ty muốn được xây dựng bền vững phải dựa trên kết quả hoạt động thực tế của Công ty. Bởi vậy, cán bộ nhân viên APS luôn nỗ lực đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo nên hình ảnh tin tưởng và thân thuộc đối với khách hàng. Các sản phẩm phân tích thị trường, chứng khoán, chính sách vĩ mô, xu hướng biến động kinh tế, tài chính, tiền tệ, giá vàng, giá dầu, tỷ giá... trên thế giới và các bài đăng trong nước luôn được bộ phận phân tích của Công ty nghiên cứu, tổng hợp và được gửi lên website, email của khách hàng Công ty.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Đỗ Lăng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đỗ Lăng sinh năm 1974, tốt nghiệp thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường đại học Tổng hợp Trento – Italia. Ông là người sáng lập và điều hành công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương. Với gần 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước như Giám đốc điều hành Prometeo – Italia, Chủ tịch CTNNHH tư vấn quốc tế Cát Tường- CIC.



Bà Huỳnh Thị Mai Dung - Thành viên Hội đồng quản trị.

Bà Huỳnh Thị Mai Dung sinh năm 1974, là cử nhân kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội. Bà từng làm việc ở Tổng Công ty Đá quý Việt Nam, Phòng kinh doanh Thiketo của Bộ Công thương. Hiện này, bà là chủ tịch HĐQT Công ty thời trang ViVa kiêm chủ tịch Công ty TNHH tư vấn quốc tế Cát Tường – CIC.



Ông Hồ Xuân Vinh - Thành viên Hội đồng quản trị.

Ông Hồ Xuân Vinh sinh năm 1968, là cử nhân Đại học Bách khoa Đà Nẵng. Với hơn 20 năm kinh nghiệm công tác, ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong và ngoài khối quốc doanh như Chuyên viên Ban TCQT Tỉnh ủy TT Huế, Kế toán trưởng, Cty SXKD XNK – Thái Hòa, PGĐ Cty SX&XNK Nội thất Ngọc Anh, PGĐ TTTM Huế Plaza. Ông từng là Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Duy Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị. Ông Phạm Duy Hưng sinh năm 1979, là cử nhân kinh tế Trường đại học Tổng hợp Trento – Italia. Ông đã có nhiều năm công tác và gắn bó với công ty cổ phần chứng khoán Thái Bình Dương. Hiện nay, ông kiêm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư tại công ty.



Ông Vũ Trọng Quân - Thành viên Hội đồng quản trị. Ông Vũ Trọng Quân sinh năm 1973, tốt nghiệp thạc sỹ quản trị kinh doanh đại học Hamline, Hoa Kỳ. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong các tổ chức tài chính như Giám đốc, VPDD của Malakut Insurance Corp, CHLB Nga kiêm tư vấn chiến lược, thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương, Giám đốc tập đoàn BH Asian, Quản lý tại tập đoàn Bảo Việt.

Ông Đinh Việt Trung - Thành viên Hội đồng quản trị. Ông Đinh Việt Trung sinh năm 1976, bắt đầu là thành viên HĐQT từ ngày 23/06/2017. Ông tốt nghiệp Đại học bách khoa năm 1999 chuyên ngành Kỹ sư điện tử. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong các công ty trong và ngoài nước như Trưởng nhóm quản lý chất lượng Công ty Fujitsu, giám sát chất lượng và dịch vụ khách hàng Công ty Schneider Electric, Giám đốc nhân sự Công ty K&N,...

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động trong năm 2017

Hoạt động kinh doanh

Trong năm 2017, Thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh mẽ cùng với các hoạt động thoái vốn, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn. Với những thông tin tích cực từ thị trường, Công ty cũng thu được một số kết quả khả quan trong hoạt động quản trị và các nghiệp vụ theo hướng chuyên nghiệp:

- ◆ Vận hành ổn định hệ thống phần mềm giao dịch cùng với hệ thống giao dịch chứng khoán giúp Công ty quản lý hiệu quả hơn 36.000 tài khoản khách hàng;
- ◆ Phát triển các nghiệp vụ mới, gia tăng thặng dư lợi nhuận cho Công ty.
- ◆ Tiếp tục chính sách quản lý chi phí hiệu quả

Năm vừa qua thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh, tuy nhiên doanh thu từ việc môi giới của Công ty chưa đạt được mức tăng trưởng so với các Công ty chứng khoán cùng ngành. Nguyên nhân chính là do thị phần môi giới của Công ty còn ở mức thấp so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường. Với sự quyết tâm và nỗ lực, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã kiện toàn lại bộ máy, cắt giảm các chi phí không cần thiết để bảo mức sinh lời cho hoạt động cơ bản của Công ty.

Năm 2017 cũng là năm đánh dấu mốc quan trọng trong định hướng hoạt động của Công ty. Trong bối cảnh thị phần môi giới thấp, Hội đồng quản trị đã định hướng đầu tư nguồn lực vào các hoạt động phát hành trái phiếu. Đánh giá đây là cơ hội phát triển, sự cạnh tranh trên thị trường trái phiếu còn thấp, cán bộ nhân viên của Công ty đã nỗ lực để tìm kiếm các cơ hội. Và thành quả đó là mức lợi nhuận tăng mạnh trong năm 2017 của Công ty từ hoạt động tư vấn tài chính.

Đồng thời việc vận hành ổn định hệ thống phần mềm giao dịch, hoàn thiện quy trình quản lý chặt chẽ, công ty tiếp tục triển khai và đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, đầu tư chứng khoán, góp vốn, ... đem lại doanh thu và lợi nhuận khả quan cho Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng phương án phát triển nguồn nhân lực, tăng cường nhân sự cho ban lãnh đạo và các chức danh quản lý khác.

Kết quả thực hiện năm 2017

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện
1	Tổng tài sản	-	390.929	-
2	Nợ phải trả	-	15.176	-
3	Vốn chủ sở hữu	-	375.752	-
4	Tổng doanh thu hoạt động	50.000	119.564	239,1%
4.1	Doanh thu hoạt động tự doanh	20.000	14.586	72,9%
4.2	Doanh thu hoạt động margin và ứng trước	8.000	8.199	102,5%
4.3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	10.000	11.706	117,1%
4.4	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	8.000	83.613	1045,2%
4.5	Doanh thu từ các hoạt động khác	4.000	1.461	36,5%
5	Chi phí hoạt động kinh doanh	25.000	94.150	376,6%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.000	14.044	100,3%
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.000	12.947	161,8%
8	Lợi nhuận sau thuế	6.400	10.354	161,8%

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã sát cánh cùng Ban điều hành thực hiện công tác kinh doanh trên cơ sở việc phân công, xác định trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên HĐQT, Ban điều hành, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý của Công ty theo đúng trình tự pháp lý và quy định tuyển dụng của Công ty.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Báo cáo thay đổi cơ cấu Hội đồng quản trị: Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương năm 2017, bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT.

Để đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của Ban Tổng giám đốc, theo Điều lệ và Quy chế quản trị, HĐQT thường xuyên thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

- ◆ Định kỳ các quý, Hội đồng quản trị họp, yêu cầu Ban Tổng giám đốc giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh, tiến độ thực hiện dự án từng Quý trong năm. Sau khi thống nhất, các thành viên HĐQT bỏ phiếu để thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động trong từng Quý trên.
- ◆ Yêu cầu Ban Tổng giám đốc đưa ra Kế hoạch và triển khai kế hoạch theo mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.
- ◆ Báo cáo biến động nhân lực và kế hoạch tuyển dụng căn cứ vào tiến độ dự án.
- ◆ Lập báo cáo tài chính và giải trình thông tin về các khoản mục liên quan.
- ◆ Kế hoạch đầu tư vào các dự án, đầu tư tài sản có giá trị lớn
- ◆ Phối hợp với hệ thống kiểm soát nội bộ

Đồng thời, chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành, tạo thuận lợi trong việc giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Định hướng trong năm 2018

Với tốc độ tăng trưởng trong năm 2017, dự báo trong năm thị trường chứng khoán 2018 sẽ có nhiều sự thuận lợi bên cạnh rủi ro tiềm ẩn. CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương vẫn phải đối mặt với không ít khó khăn thách thức từ các đối thủ và sự khó lường của thị trường. Do đó, Hội đồng quản trị sẽ tập trung giải quyết các vấn đề trọng điểm liên quan đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, tinh giản bộ máy doanh nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Chủ động phối hợp tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động môi giới, tư vấn, đầu tư và các công tác quản lý của Công ty, đồng thời đưa ra các giải pháp khắc phục cụ thể và yêu cầu Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện. Với khả năng hiện nay, năm 2018 Hội đồng quản trị đặt mục tiêu kế hoạch như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (đơn vị: đồng)
1	Doanh thu hoạt động	70.600.000.000
1.1	Môi giới	12.000.000.000
1.2	Tư vấn	30.000.000.000
1.3	Doanh thu margin và ứng trước	10.000.000.000
1.4	Doanh thu hoạt động lưu ký	1.000.000.000
1.5	Hoạt động tự doanh	17.400.000.000
1.6	Doanh thu khác	200.000.000
2	Chi phí hoạt động	43.045.000.000
2.1	Chi phí môi giới	8.000.000.000
2.2	Chi phí tư vấn	27.045.000.000
2.3	Giá vốn tự doanh	7.000.000.000
2.4	Chi phí khác	1.000.000.000
3	Chi phí quản lý	14.500.000.000
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.000.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế	15.055.000.000
6	Thuế TNDN	3.011.000.000
7	LNST	12.044.000.000



Để đạt được các kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị trong năm 2018 sẽ tập trung vào các công việc sau:

- ◆ Tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác lớn trong và ngoài nước. Đây cũng là mục tiêu chính được đề ra trong năm 2018, phát triển thương hiệu bằng việc hợp với khách hàng tên tuổi.
- ◆ Xử lý nợ xấu: Nợ xấu được trích lập dần vào kết quả hoạt động kinh doanh các năm tiếp theo, mức trích lập cân đối với lợi nhuận từng năm.
- ◆ Tăng cường công tác Quản lý rủi ro, quản trị nội bộ đặc biệt trong giai đoạn tăng trưởng nóng của thị trường chứng khoán.
- ◆ Chiến lược về nhân sự: triển khai kế hoạch tuyển dụng thường xuyên nhân sự đa kênh, ưu tiên trẻ hóa nguồn lao động. Bên cạnh việc tuyển dụng thường xuyên, HĐQT trực tiếp tuyển chọn các nhân sự có kinh nghiệm để các vị trí chủ chốt. Đối với bộ phận Nhân sự của Công ty, HĐQT yêu cầu thiết kế các khóa đào tạo kỹ năng quản lý, nghiệp vụ, xây dựng chính sách năng lương cho nhân viên Công ty.
- ◆ Phát triển nghiệp vụ mới bên cạnh việc duy trì các nghiệp vụ đang thực hiện. Trong năm 2018, HĐQT định hướng phòng IB nghiên cứu phát triển các nghiệp vụ trái phiếu và phát triển khách hàng thuộc nghiệp vụ này. Bên cạnh đó, các nghiệp vụ hiện tại tiếp tục được đẩy mạnh trên nguyên tắc quản lý chặt chẽ rủi ro có thể phát sinh. Tăng cường định hướng quản lý nguồn thu từ dịch vụ môi giới, kinh doanh vốn làm nền tảng cho sự phát triển bền vững công ty
- ◆ Tập trung khắc phục các vấn đề, các tồn đọng yếu kém trong quản trị kinh doanh như: nhân sự quản lý, các công tác quản trị rủi ro, công việc giám sát hoạt động đối với ban điều hành và dự báo các biến động lớn của thị trường.
- ◆ Thay đổi mạnh mẽ triết lý và môi trường làm việc: HĐQT lựa chọn triết lý Đạo phật để làm kim chỉ nam cho các hoạt động Công ty. Đồng thời với mong muốn gia tăng thương hiệu APEC nói chung và APS nói riêng, HĐQT định hướng thay đổi trụ sở hoạt động Công ty về khu vực trung tâm. Nhờ vậy, các hoạt động kinh doanh, tìm kiếm khách hàng sẽ được hỗ trợ tối đa.
- ◆ Hội đồng quản trị rút kinh nghiệm và phát huy tối đa năng lực trong quản lý, chỉ đạo và giám sát điều hành, quyết tâm tháo gỡ khó khăn để lãnh đạo Công ty tiếp tục duy trì định hướng phát triển năm 2018, tăng cường giám sát tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu tài chính đã đề ra trong năm 2018. Với những kế hoạch đề ra, HĐQT định hướng thay đổi mạnh mẽ APS trong năm 2018 để hướng tới sự thành công.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà Phạm Đức Việt - Trưởng Ban kiểm soát. Bà Phạm Đức Việt sinh năm 1982, đã tốt nghiệp thạc sỹ quản trị kinh doanh. Bà có hơn 10 năm kinh nghiệm công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương, trong đó có 2 năm đảm nhiệm chức vụ phó phòng Dịch vụ chứng khoán.



Bà Nguyễn Hoài Giang - Thành viên Ban kiểm soát. Bà Nguyễn Hoài Giang sinh năm 1982, là cử nhân tài chính kế toán. Bà đã có 15 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Hiện nay, bà đang là kế toán trưởng của Công ty cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương.



Ông Nguyễn Đức Quân - Thành viên Ban Kiểm Soát. Ông Nguyễn Đức Quân sinh năm 1984, là cử nhân kinh tế. Ông đã có hơn 12 năm kinh nghiệm công tác tại nhiều vị trí liên quan đến thị trường tài chính, vàng, ngoại hối và chứng khoán, trong đó có 8 năm làm việc tại Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương. Hiện nay, ông đảm nhận vị trí Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty.

Bà Lê Trương Thị Ánh Ngọc - Thành viên Ban kiểm soát. Bà Lê Trương Thị Ánh Ngọc sinh năm 1981, bắt đầu là thành viên Ban kiểm soát từ ngày 23/06/2017. Bà là cử nhân tài chính kế toán trường Đại học Tài chính Marketing. Bà đã có 17 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kế toán. Bà từng đảm nhiệm vị trí kế toán trưởng tại nhiều công ty và hiện đang là kế toán trưởng của công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Sài Gòn Hoàn Cầu.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017

Ban kiểm soát đã tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty trong việc tiến hành giám sát, kiểm tra hoạt động của Công ty. Cụ thể:

- ◆ Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2017 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và ban điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh.
- ◆ Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ban điều hành.
- ◆ Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ, công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm: nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác);
- ◆ Kiểm tra thông tin liên quan đến dòng tiền, các hợp đồng quan trọng của Công ty.
- ◆ Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, xem xét báo cáo 06 tháng và BCTC của Công ty năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty trong 06 tháng đầu năm và cả năm 2017.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của công ty:

1. Về tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu thuần của công ty trong năm đạt 119,6 tỷ đồng, tăng 239,1% so với năm 2016. Kết quả lợi nhuận trong năm 2017 đạt 10,4 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2016 với tốc độ 173%. Cùng với sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán, mảng môi giới trong năm đóng góp 11,7 tỷ đồng vào doanh thu thuần. Trong năm 2017, công ty đã tư vấn thành công một số hợp đồng tư vấn tài chính doanh nghiệp, trái phiếu mang lại doanh thu ở mức 83,6 tỷ đồng tăng trưởng gần 9 lần so với năm 2016.

2. Về tình hình tài chính công ty:

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, Ban kiểm soát ghi nhận số liệu báo cáo đã phản ánh trung thực, chính xác tình hình tài chính, lưu chuyển tiền tệ và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong giai đoạn 01/01/2017 đến 31/12/2017.

Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2017
Tổng tài sản	390.929.400.918
A. Tài sản ngắn hạn	378.884.707.597
B. Tài sản dài hạn	12.044.693.321
Tổng nguồn vốn	390.929.400.918
A. Nợ phải trả	15.176.650.867
B. Vốn chủ sở hữu	375.752.750.051
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	119.564.396.638
Tổng lợi nhuận trước thuế	12.946.667.553
Thuế thu nhập phải nộp	2.592.231.875
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.354.435.678
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	265

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017)

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của công ty năm 2017

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	43,8	27,8
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Tỷ số nợ trên tài sản	Lần	0,02	0,04
Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu	Lần	0,02	0,04
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,14	0,31
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	8,55%	8,66%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,22%	2,79%
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	1,18%	2,70%
Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	15%	11%

3. Công tác quản trị điều hành:

a, Hội đồng quản trị

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.


Hội đồng quản trị đã thực hiện hợp lệ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2017.

b, Ban điều hành:

Ban kiểm soát nhận thấy rằng Ban điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty và tuân thủ các nghị quyết của HĐQT.

Phương hướng hoạt động năm 2018

- ◆ Tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của APECS, quy chế tổ chức và hoạt động của BKS về việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và các quy chế, quy định của Công ty.
- ◆ Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính bán niên, báo cáo năm. Đánh giá hiệu quả, hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ toàn hệ thống APECS. Kiểm toán hoạt động chi phí và tăng cường công tác kiểm tra trực tiếp tại các phòng ban để kịp thời phát hiện các tồn tại, rủi ro trong quá trình hoạt động.
- ◆ Tham giá ý kiến trực tiếp, gián tiếp với tư cách độc lập, khách quan đối với các nội dung, giao dịch thuộc thẩm quyền phán quyết của HĐQT nhằm giảm thiểu rủi ro cho APECS.



**BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG
VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- ◆ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- ◆ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm xã hội và cộng đồng địa phương được APECS xem như là một trong những triết lý kinh doanh hơn là những quy định hay từ thiện bắt buộc. Vì vậy, trong năm 2017, công ty đã tận dụng mọi cơ hội và nguồn lực để đóng góp cho xã hội.

Quỹ khai trí hoạt động tích cực trong năm 2017

Với mong muốn đóng góp cho sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam, năm 2017 APECS đã tổ chức các hoạt động tặng sách cho các trường học tại vùng sâu, vùng xa như Tà Nung – Lai Châu, Huổi Nôm – Điện Biên.

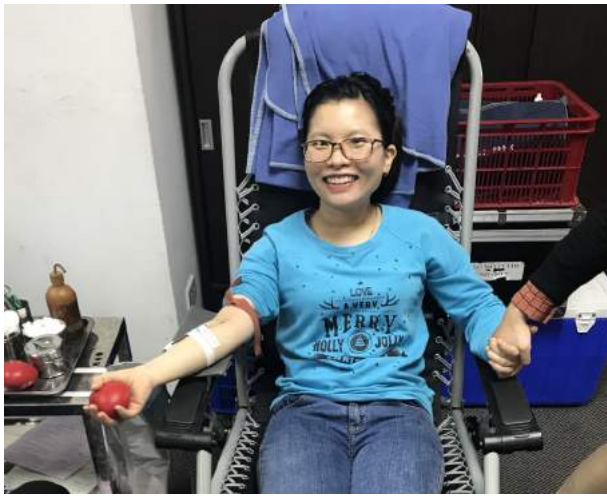


Với 10 tủ sách và hàng nghìn quyển sách được trao cùng với phương châm “Sách là người bạn đồng hành trong hành trình trải nghiệm hạnh phúc”, APECS đã và đang hướng tới mục đích giúp trẻ em tại các điểm trường vùng cao, vùng sâu vùng xa, thiếu sự quan tâm của cộng đồng được làm quen với văn hóa đọc và tiếp cận thông tin, giải trí trong và sau giờ học.



Trào quà tặng cho người vô gia cư.

Thực hiện nghĩa cử cao đẹp của tinh thần làm tình nguyện, trong những ngày đông lạnh giá giữa tháng 12 năm 2017, hơn 30 Cán bộ nhân viên của APECS đã cùng đồng hành tham gia phát quà cho người vô gia cư tại khu vực Ga Hà Nội, Gầm cầu Long Biên và một số địa bàn lân cận khu vực phố cổ. Hơn 100 suất quà đã được trao bao gồm nhu yếu phẩm cơ bản như mì tôm, tất, chăn và quần áo rét. Bên cạnh những suất quà được trao, người APECS còn đem những câu chuyện, chia sẻ về những khó khăn để người vô gia cư luôn giữ vững hi vọng về một cuộc sống tốt đẹp.



Giọt máu – Kho báu tình người

Ngay khi lời kêu gọi của Viện huyết học và truyền máu Trung ương về tình trạng khan hiếm nhóm máu O được phát động, con người APECS với tinh thần phụng sự vì hạnh phúc cộng đồng đã tổ chức hiến máu tình nguyện trên phạm vi toàn Công ty. Một lần nữa ý nghĩa “Hiến máu cứu người - một nghĩa cử cao đẹp” tiếp tục được phát huy như một truyền thống tốt đẹp tại APECS.





BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Với mong muốn ứng phó với những thách thức mới để định hình cho một tương lai xanh, nắm bắt những cơ hội mới và xu hướng mới, xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán phát triển bền vững, ngày 10/11/2017, Tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức Hội nghị “Phát triển thị trường vốn xanh tại Việt Nam.”

Tại hội nghị, các đại biểu đã thảo luận và cập nhật các chính sách, công cụ, sản phẩm tài chính xanh, thị trường vốn xanh; định hướng chính sách phát triển thị trường vốn xanh tại Việt Nam. Các chuyên gia quốc tế và khu vực cũng chia sẻ về kinh nghiệm, thông lệ quốc tế trong mảng thị trường vốn xanh.

Một số sản phẩm, công cụ tài chính xanh có ý nghĩa quan trọng được giới thiệu tại hội nghị như: Danh mục dự án xanh do Ngân hàng Nhà nước xây dựng, hay trái phiếu xanh chính quyền địa phương đầu tiên được phát hành thí điểm, đặc biệt là Chỉ số phát triển bền vững (VNSI) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, APECS nhận thức được vai trò của tăng trưởng xanh đối với sự phát triển của một tổ chức tài chính nói riêng và Việt Nam nói chung. APECS sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building,

Số 444 Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	02
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	03 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	07 - 08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 38

TH
SA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building,

Số 444 Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Quân	Thành viên
Ông Hồ Xuân Vinh	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành viên
Ông Phạm Duy Hưng	Thành viên
Ông Đinh Việt Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/6/2017)

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đỗ Lăng.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Số: 083 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng 3 năm 2018, từ trang 03 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-1561-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018



Đặng Thị Minh Hạnh
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3290-2015-156 -1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 130)	100		378.884.707.597	361.297.419.190
I. Tài sản tài chính	110		357.303.132.876	327.692.407.926
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	9.638.810.990	4.857.809.469
1.1. Tiền	111.1		1.138.810.990	4.857.809.469
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		8.500.000.000	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7	152.277.952.450	140.908.476.713
3. Các khoản cho vay	114	8	166.666.938.759	147.684.356.257
4. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	9	2.125.299.667	2.125.299.667
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8	(10.840.350.842)	(10.739.924.868)
6. Các khoản phải thu	117	10	36.336.768.156	31.841.528.165
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		33.695.000.000	30.500.000.000
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		2.641.768.156	1.341.528.165
6.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		12.179.166	-
6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		2.629.588.990	1.341.528.165
7. Trả trước cho người bán	118	10	2.944.716.791	10.150.327.992
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	760.222.247	572.222.246
9. Các khoản phải thu khác	122	10	8.203.638.649	8.211.558.836
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(10.810.863.991)	(7.919.246.551)
II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 =>134)	130		21.581.574.721	33.605.011.264
1. Tạm ứng	131	12	21.363.906.545	33.508.016.694
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	13	141.532.544	20.858.938
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		76.135.632	76.135.632
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		12.044.693.321	12.777.478.375
I. Tài sản cố định	220		1.825.007.868	2.628.353.739
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	984.697.869	1.163.773.380
- Nguyên giá	222		8.883.092.124	8.715.132.924
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(7.898.394.255)	(7.551.359.544)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	840.309.999	1.464.580.359
- Nguyên giá	228		4.759.527.488	4.759.527.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		(3.919.217.489)	(3.294.947.129)
II. Tài sản dài hạn khác	250		10.219.685.453	10.149.124.636
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		311.688.000	311.688.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	13	57.445.637	562.409.391
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	16	9.850.551.816	9.275.027.245
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		390.929.400.918	374.074.897.565

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		15.176.650.867	8.676.583.192
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		13.617.452.716	8.242.965.629
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	288.809.643	152.978.104
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320		187.739.972	175.378.608
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	18	1.716.290.320	2.463.790.320
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	5.169.125.551	333.611.720
5. Phải trả người lao động	323		1.831.524.624	387.178.365
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	20	607.054.751	1.024.018.344
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	21	3.470.612.727	3.484.712.290
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		346.295.128	221.297.878
II. Nợ phải trả dài hạn	340		1.559.198.151	433.617.563
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	22	1.559.198.151	433.617.563
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		375.752.750.051	365.398.314.373
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	375.752.750.051	365.398.314.373
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		396.000.000.000	396.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		390.000.000.000	390.000.000.000
1.1.a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		390.000.000.000	390.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		2.868.000.000	2.868.000.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(23.115.249.949)	(33.469.685.627)
3.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(29.352.042.552)	(32.885.987.658)
3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		6.236.792.603	(583.697.969)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		390.929.400.918	374.074.897.565

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		39.000.000	39.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	24	23.679.770.000	15.444.510.000
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	25	13.031.520.000	13.032.510.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	26	58.070.690.000	62.536.300.000

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	27	1.908.558.290.000	1.578.164.710.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.770.816.730.000	1.566.728.800.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		881.180.000	605.000.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		122.000.000.000	-
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		1.988.880.000	1.988.880.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		12.871.500.000	8.842.030.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	28	111.815.900.000	81.562.080.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		111.815.900.000	81.562.080.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	3.848.600.000
4. Tiền gửi của khách hàng	026	29	93.872.961.084	59.346.982.354
4.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		93.812.440.271	56.516.782.608
4.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	2.636.348.633
4.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		9.424.966	173.610.434
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		8.254.358	172.361.768
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		1.170.608	1.248.666
4.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		51.095.847	20.240.679

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	30	93.821.865.237	59.326.741.675
5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		93.780.019.996	59.250.013.985
5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		41.845.241	76.727.690
6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		51.095.847	20.240.679



Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		14.585.549.844	23.781.580.919
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	31	2.969.360.767	20.942.062.896
<i>b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2	32	11.543.497.829	2.168.087.814
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	33	72.691.248	671.430.209
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	33	426.257.943	151.968.056
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	33	8.198.624.761	8.901.644.221
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		11.705.663.111	9.465.884.381
1.5 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		1.024.117.942	950.153.244
1.6 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		83.613.335.001	8.438.705.106
1.7 Thu nhập hoạt động khác	11		10.848.036	231.830.163
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	20		119.564.396.638	51.921.766.090
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		11.357.245.831	19.422.132.560
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1	31	7.759.819.162	19.422.132.560
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ</i>	21.2	32	3.597.426.669	-
2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		3.005.777.265	1.733.900.943
2.4 Chi phí môi giới chứng khoán	27	34	15.984.011.330	5.656.591.490
2.5 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	34	1.114.429.365	992.349.865
2.6 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	34	61.710.086.991	487.869.986
2.7 Chi phí các dịch vụ khác	32	34	978.316.837	4.441.726.838
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 => 32)	40		94.149.867.619	32.734.571.682
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	35	1.646.260.273	1.943.128.740
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42)	50		1.646.260.273	1.943.128.740
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chi phí lãi vay	52		-	8.872.778
Cộng chi phí tài chính (60 = 52)	60		-	8.872.778
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	36	14.044.396.266	13.458.882.256
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		13.016.393.026	7.662.568.114

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		85.955.949	125.862.984
8.2 Chi phí khác	72		155.681.422	2.915.180.092
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(69.725.473)	(2.789.317.108)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		12.946.667.553	4.873.251.006
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		5.000.596.393	2.705.163.192
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		7.946.071.160	2.168.087.814
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		2.592.231.875	433.617.563
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	37	1.466.651.287	-
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	38	1.125.580.588	433.617.563
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		10.354.435.678	4.439.633.443
11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/ 1 cổ phiếu)	501	39	265	114



[Signature]
Nguyễn Đỗ Lăng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh
 Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Thu Hương
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	12.946.667.553	4.873.251.006
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	1.333.759.495	1.465.824.597
- Khấu hao TSCĐ	03	971.305.071	1.073.451.819
- Các khoản dự phòng	04	2.992.043.414	1.733.900.943
- Dự thu tiền lãi	8	(2.629.588.990)	(1.341.528.165)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	3.597.426.669	-
- Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	3.597.426.669	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(11.543.497.829)	(2.168.087.814)
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	(11.543.497.829)	(2.168.087.814)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(1.385.395.167)	(2.231.231.661)
- (Tăng)/ giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(3.423.404.577)	33.587.927.856
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	(18.982.582.502)	26.589.717.352
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35	(3.195.000.000)	(30.500.000.000)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TS tài chính	36	1.329.348.999	879.531.329
(-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	(188.000.001)	(117.499.997)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu khác	39	7.213.531.388	(228.304.540)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	12.144.110.149	(31.527.739.275)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(416.963.593)	(294.057.390)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	384.290.148	562.989.427
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	148.192.903	(85.004.090)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	3.368.862.544	(187.805.637)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	1.444.346.259	(4.403.375)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	(761.599.563)	(464.226.117)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(450.527.321)	(442.357.204)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	4.948.960.721	1.939.756.128
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(167.959.200)	(788.670.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64	-	6.229.110.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(167.959.200)	5.440.440.800

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	73	-	8.500.000.000
1.1. Tiền vay khác	73.2	-	8.500.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	-	(13.500.000.000)
2.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3	-	(13.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	-	(5.000.000.000)
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	4.781.001.521	2.380.196.928
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	4.857.809.469	2.477.612.541
- Tiền	101.1	4.857.809.469	2.377.612.541
- Các khoản tương đương tiền	101.2	-	100.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	9.638.810.990	4.857.809.469
- Tiền	103.1	1.138.810.990	4.857.809.469
- Các khoản tương đương tiền	103.2	8.500.000.000	-



Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hương
Người lập biểu

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	486.564.967.100	542.939.751.000
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(514.019.103.900)	(250.040.234.900)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	2.598.270.425.933	4.709.033.337.073
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(2.535.297.047.629)	(5.044.063.523.579)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(1.024.117.942)	(950.153.244)
6. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	59.432.167.278	72.471.950.679
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(59.401.312.110)	(72.451.710.000)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	34.525.978.730	(43.060.582.971)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	59.346.982.354	102.407.565.325
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	32	56.516.782.608	39.442.223.525
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	2.636.348.633	10.680.803.000
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	173.610.434	52.284.538.800
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành trong đó có kỳ hạn	35	20.240.679	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	93.872.961.084	59.346.982.354
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	42	93.812.440.271	56.516.782.608
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	-	2.636.348.633
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	9.424.966	173.610.434
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	51.095.847	20.240.679



Nguyễn Đỗ Lăng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
			Năm trước	Năm nay	Năm trước	Tăng	Giảm	Năm nay	Năm trước	Năm nay
1	Vốn góp của chủ sở hữu	23	390.000.000.000	390.000.000.000	-	-	-	-	390.000.000.000	390.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	23	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	23	2.868.000.000	2.868.000.000	-	-	-	-	2.868.000.000	2.868.000.000
4	Lợi nhuận chưa phân phối (trình bày lại)	23	(37.909.319.070)	(33.469.685.627)	4.439.633.443	-	10.354.435.678	-	(33.469.685.627)	(23.115.249.949)
	- Lợi nhuận đã thực hiện	23	(37.909.319.070)	(32.885.987.658)	5.023.331.412	-	3.533.945.106	-	(32.885.987.658)	(29.352.042.552)
	- Lợi nhuận chưa thực hiện	23	-	(583.697.969)	(583.697.969)	-	6.820.490.572	-	(583.697.969)	6.236.792.603
	Tổng	23	360.958.680.930	365.398.314.373	4.439.633.443	-	10.354.435.678	-	365.398.314.373	375.752.750.051

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 23.



Nguyễn Đỗ Lăng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Thị Thanh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Hương
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006 với vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; Giấy phép thành lập và hoạt động số 37/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 07/GPĐC-UBCK ngày 23/01/2015. Theo Giấy phép điều chỉnh số 338/UBCK-GP ngày 07/07/2010 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 390.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building, số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Điều lệ Công ty được ban hành năm 2006 và sửa đổi vào ngày 16/05/2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 44 người (tại ngày 01/01/2017 là 56 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương.
- Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.
- Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27/12/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016.

Những thay đổi và hướng dẫn quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 như sau:

- (i) Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới ủy thác của khách hàng được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính.
- (ii) Tài sản tài chính được phân thành bốn loại là: Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- (iii) Quản lý tách biệt tài sản và công nợ của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán và các khoản phải trả.
- (iv) Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): Được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên báo cáo tình hình tài chính của công ty chứng khoán và chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên báo cáo thu nhập toàn diện của công ty chứng khoán.
- (v) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): Được ghi nhận theo giá trị hợp lý và mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.
- (vi) Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): Được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- (vii) Các khoản cho vay: Được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Thông tư 210 và Thông tư 334 có hiệu lực thi hành cho năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực khi Luật Kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán mới”) đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số tài khoản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Theo đó, trong báo cáo tài chính 2017, Công ty đã áp dụng giá trị hợp lý khi ghi nhận tài sản tài chính FVTPL. Do ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán, lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty trong năm tăng lên 9.076.197.172 đồng, năm 2016 tăng lên 2.168.087.814 đồng.

Công ty trình bày lại số liệu so sánh cho phù hợp với số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Chi tiết xem Thuyết minh số 44.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

- (i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- (ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (Tiếp theo)

Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường/giá trị hợp lý. Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường. Công ty đang xác định giá trị hợp lý theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán phản ánh các khoản đầu tư dài hạn khác (các khoản đầu tư mà Công ty không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư của công ty chứng khoán).

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định hiện hành.

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Đối với các tài sản thế chấp là chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các tài sản thế chấp chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (OTC) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chi tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Năm)
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL.
- **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**
Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).
- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**
Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.
- **Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**
Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).
- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**
Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật về doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.
- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.
- **Thu nhập hoạt động khác:**
Phân ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hệ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành, doanh thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các loại sau: Doanh thu từ chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái; doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh; doanh thu đầu tư khác.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	30.221.263	97.781.660
Tiền gửi ngân hàng	1.067.756.027	4.758.518.074
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	40.833.700	1.509.735
Các khoản tương đương tiền (i)	8.500.000.000	-
	<u>9.638.810.990</u>	<u>4.857.809.469</u>

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
a) Cửa công ty chứng khoán	8.473.111	97.506.157.754
- Cổ phiếu	8.473.111	97.506.157.754
b) Cửa nhà đầu tư	522.977.531	5.486.822.481.400
- Cổ phiếu	522.977.531	5.486.822.481.400
	531.450.642	5.584.328.639.154

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI LỖ

7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	144.481.961.696	152.277.952.450	141.058.557.119	140.908.476.713
<i>Chứng khoán thương mại</i>				
Cổ phiếu niêm yết	13.220.482.982	23.462.762.708	16.278.063.249	15.861.846.515
Cổ phiếu đăng ký giao dịch (UPCOM)	21.783.755.028	19.337.466.056	11.216.682.874	11.533.989.002
Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	109.477.723.686	109.477.723.686	113.563.810.996	113.512.641.196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7.2. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính

Đơn vị: VND

S	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm						Số đầu năm												
		Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm		CL đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý đầu năm		CL đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại									
		Giá mua	2	3 = (2-1)	4 = (1-2)		5 = (1+3-4)	6	7	8 = (7-6)		9 = (6-7)	10 = (6+8-9)							
A	B	I																		
1	FVTPL																			
1	Cổ phiếu niêm yết	13.220.482.982	23.462.762.708	10.573.900.264	331.620.538	23.462.762.708	23.462.762.708	15.861.846.515	15.861.846.515	16.278.063.249	15.861.846.515	780.807.205	15.861.846.515	780.807.205	15.861.846.515					
	API	5.736.542.430	15.623.039.774	9.886.497.344	-	15.623.039.774	15.623.039.774	5.055.999.774	5.055.999.774	5.736.542.430	5.055.999.774	680.542.656	5.055.999.774	680.542.656	5.055.999.774					
	VCG	4.035.793.400	3.708.180.800	-	327.612.600	3.708.180.800	3.708.180.800	-	-	-	-	-	-	-	-					
	VIT	1.512.969.121	1.619.999.821	107.030.700	-	1.619.999.821	1.619.999.821	-	-	-	-	-	-	-	-					
	FNJ	1.236.784.656	1.781.411.020	544.626.364	-	1.781.411.020	1.781.411.020	-	-	4.816.341.540	4.987.699.500	-	4.987.699.500	4.987.699.500	4.987.699.500					
	Các cổ phiếu niêm yết khác	698.393.375	730.131.293	35.745.856	4.007.938	730.131.293	730.131.293	4.007.938	4.007.938	5.725.179.279	5.818.147.241	100.264.549	5.818.147.241	100.264.549	5.818.147.241					
2	Cổ phiếu chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch (UPCOM)	21.783.755.028	19.337.466.056	670.384.722	3.116.673.694	19.337.466.056	19.337.466.056	11.533.989.002	11.533.989.002	11.216.682.874	11.533.989.002	1.486.191.215	11.533.989.002	1.486.191.215	11.533.989.002					
	PHH	14.207.667.200	12.406.426.175	-	1.801.241.025	12.406.426.175	12.406.426.175	-	-	2.552.127.200	4.010.640.000	1.458.512.800	4.010.640.000	1.458.512.800	4.010.640.000					
	VNB	5.797.108.873	6.467.397.395	670.288.522	-	6.467.397.395	6.467.397.395	-	-	5.232.766.162	5.577.750.000	344.983.838	5.577.750.000	344.983.838	5.577.750.000					
	SFT	1.564.606.500	286.500.395	-	1.278.106.105	286.500.395	286.500.395	-	-	1.564.606.500	286.500.395	-	286.500.395	-	286.500.395					
	Các cổ phiếu UPCOM khác	214.372.455	177.142.091	96.200	37.326.564	177.142.091	177.142.091	37.326.564	37.326.564	1.867.183.012	1.659.098.607	705	1.659.098.607	705	1.659.098.607					
3	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	109.477.723.686	109.477.723.686	-	-	109.477.723.686	109.477.723.686	-	-	113.563.810.996	113.512.641.196	-	113.512.641.196	-	113.512.641.196					
	Tổng	144.481.961.696	152.277.952.450	11.244.284.986	3.448.294.232	152.277.952.450	152.277.952.450	3.448.294.232	3.448.294.232	141.058.557.119	140.908.476.713	2.318.168.220	140.908.476.713	2.318.168.220	140.908.476.713					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

	Đơn vị: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng
Các khoản cho vay	166.666.938.759	155.575.987.743	147.684.356.257	136.944.431.389
Cho vay hoạt động Margin	158.097.438.219	147.006.487.203	145.172.510.351	134.432.585.483
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	8.569.500.540	8.569.500.540	2.511.845.906	2.511.845.906

Dự phòng các khoản cho vay hoạt động margin tại thời điểm cuối năm và đầu năm lần lượt là 10.840.350.842 đồng và 10.739.924.868 đồng.

9. TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

	Đơn vị: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng	Giá gốc	Giá gốc và dự phòng
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.125.299.667	2.125.299.667	2.125.299.667	2.125.299.667
Các khoản đầu tư dài hạn khác				
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Phát triển Thương mại Viva Việt Nam (i)	2.125.299.667	2.125.299.667	2.125.299.667	2.125.299.667

Ghi chú: (i) Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Viva Việt Nam. Công ty không thu thập được các cơ sở để đánh giá giá trị tài sản sẵn sàng để bán (AFS) theo giá trị thị trường.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	33.695.000.000	30.500.000.000
Bà Lê Thị Thùy Chung (i)	14.150.000.000	15.500.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương (ii)	13.700.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	2.641.768.156	1.341.528.165
Dự thu lãi cho vay margin	2.629.588.990	1.341.528.165
Lãi tiền gửi kỳ hạn	12.179.166	-
Các khoản trả trước cho người bán	2.944.716.791	10.150.327.992
CTCP Chứng Khoán Bảo Việt	-	7.145.000.000
3i Infotech Asia Pacific Pte Ltd	2.430.258.000	2.430.258.000
Các khoản trả trước khác	514.458.791	575.069.992
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	760.222.247	572.222.246
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	760.222.247	572.222.246
Các khoản phải thu khác	8.203.638.649	8.211.558.836
Sửa lỗi giao dịch chứng khoán	4.548.366.937	4.589.861.662
Các đối tượng khác	3.655.271.712	3.621.697.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng 950.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư DPA số 001/HĐCN/2016 ngày 22/06/2016. Khách hàng cam kết trả nợ trước ngày 31/12/2017. Khách hàng đã thanh toán 5 tỷ đồng vào ngày 14/3/2018. Công nợ phải thu này được đảm bảo bằng tài khoản chứng khoán. Công ty đã phong tỏa tài khoản chứng khoán đảm bảo trên tại ngày lập báo cáo tài chính này.
- (ii) Phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quà cam tím số 004/HĐCN/2016 ngày 23/06/2016. Khách hàng cam kết trả nợ trước ngày 31/03/2018. Khách hàng đã thanh toán 5 tỷ đồng vào ngày 14/3/2018. Công nợ phải thu này được đảm bảo bằng tài khoản chứng khoán. Công ty đã phong tỏa tài khoản chứng khoán đảm bảo trên tại ngày lập báo cáo tài chính này.

AC
N
FN
VI
A
PT



CÔNG TY CP CHÚNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building
Số 4/4 Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

MÃ SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị: VND

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay			Số dự phòng đầu năm
		Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm	
1. Dự phòng ứng trước người bán	2.908.017.734	-	13.733.851	2.908.017.734	2.921.751.585
3i Infotech Asia Pacific Pte Ltd	2.430.258.000	-	-	2.430.258.000	2.430.258.000
Công ty TNHH MTV Phần mềm Bảo Thạch	195.000.000	-	-	195.000.000	195.000.000
Các đối tượng khác	282.759.734	-	13.733.851	282.759.734	296.493.585
2. Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	264.722.246	-	-	264.722.246	264.722.246
Công ty CP Đầu tư Cộng đồng Đất Quảng	59.513.620	-	-	59.513.620	59.513.620
Các đối tượng khác	205.208.626	-	-	205.208.626	205.208.626
3. Dự phòng các khoản phải thu khác	7.138.124.011	2.405.351.291	-	7.138.124.011	4.732.772.720
Sửa lỗi giao dịch	4.548.366.937	-	-	4.548.366.937	4.548.366.937
Các đối tượng khác	2.589.757.074	2.405.351.291	-	2.589.757.074	184.405.783
4. Tạm ứng	500.000.000	-	-	500.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Tuấn	500.000.000	-	-	500.000.000	-
TỔNG CỘNG	10.810.863.991	2.405.351.291	13.733.851	10.810.863.991	7.919.246.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TẠM ỨNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ông Lưu Thái Đồng	6.297.422.031	2.455.588.000
Bà Vũ Thị Thanh Huyền	4.113.617.031	-
Bà Lục Thanh Tùng	3.800.000.000	10.000.000.000
Ông Nguyễn Bá Khương	3.000.000.000	3.000.000.000
Các đối tượng khác	4.152.867.483	18.052.428.694
	21.363.906.545	33.508.016.694

Các khoản tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản tạm ứng của ông Nguyễn Bá Khương đã được hoàn ứng vào ngày 14/3/2018.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	141.532.544	20.858.938
Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí hỗ trợ phần mềm	141.532.544	20.858.938
Dài hạn	57.445.637	562.409.391
Công cụ dụng cụ xuất dùng	49.194.423	430.074.825
Các chi phí khác	8.251.214	132.334.566
	248.172.604	1.013.343.154

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	282.444.652	1.439.889.000	6.992.799.272	8.715.132.924
Mua sắm mới	42.018.000	-	125.941.200	167.959.200
Số dư cuối năm	324.462.652	1.439.889.000	7.118.740.472	8.883.092.124
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	241.968.145	860.521.591	6.448.869.808	7.551.359.544
Khấu hao trong năm	13.944.528	143.988.900	189.101.283	347.034.711
Số dư cuối năm	255.912.673	1.004.510.491	6.637.971.091	7.898.394.255
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	40.476.507	579.367.409	543.929.464	1.163.773.380
Số dư cuối năm	68.549.979	435.378.509	480.769.381	984.697.869

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 6.193.882.422 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 6.118.692.422 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.593.577.200	165.950.288	4.759.527.488
Tăng do mua sắm mới	-	-	-
Số dư cuối năm	4.593.577.200	165.950.288	4.759.527.488
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	3.128.996.841	165.950.288	3.294.947.129
Khấu hao trong năm	624.270.360	-	624.270.360
Số dư cuối năm	3.753.267.201	165.950.288	3.919.217.489
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	1.464.580.359	-	1.464.580.359
Số dư cuối năm	840.309.999	-	840.309.999

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 811.728.088 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 711.728.088 đồng).

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	494.938.176	494.938.176
Tiền nộp bổ sung	5.134.627.006	5.096.499.560
Tiền lãi phân bổ trong năm	4.220.986.634	3.683.589.509
	9.850.551.816	9.275.027.245

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Sở giao dịch chứng khoán	192.317.662	69.274.000
Trung tâm lưu ký chứng khoán	96.491.981	83.704.104
	288.809.643	152.978.104

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ông Phạm Duy Hưng	374.590.320	-
Các đối tượng khác	1.341.700.000	2.463.790.320
	1.716.290.320	2.463.790.320

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	343.922.390	18.891.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.466.651.287	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.358.551.874	314.720.267
	5.169.125.551	333.611.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí tiền lương, thưởng cho cán bộ, công nhân viên	-	800.000.000
Chi phí phải trả khác	607.054.751	224.018.344
	<u>607.054.751</u>	<u>1.024.018.344</u>

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế cổ tức phải trả tổ chức phát hành	2.151.892.580	2.151.892.580
Phải trả khác	1.318.720.147	1.332.819.710
	<u>3.470.612.727</u>	<u>3.484.712.290</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

<u>Tên khoản mục</u>		<u>TSTC ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (TSTC FVTPL) tại ngày 31/12/2017</u>	<u>TSTC ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (TSTC FVTPL) tại ngày 31/12/2016</u>
Giá trị ghi nhận theo cơ sở tính thuế (1)		144.481.961.696	138.740.388.899
Giá trị ghi nhận theo sổ sách (2)		152.277.952.450	140.908.476.713
Chênh lệch giá trị TSTC FVTPL theo cơ sở tính thuế và sổ sách (3) = (2) - (1)		7.795.990.754	2.168.087.814
Thuế suất thuế TNDN (4)		20%	20%
Thuế TNDN hoàn lại phải trả (5) = (3)* (4)		<u>1.559.198.151</u>	<u>433.617.563</u>

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building

Số 444 Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

MÃ SỐ B09 - CTCK

Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	(37.909.319.070)	360.958.680.930
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.705.163.192	2.705.163.192
Số dư tại ngày 31/12/2016	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	(35.204.155.878)	363.663.844.122
Điều chỉnh số dư đầu năm (i)	-	-	-	1.734.470.251	1.734.470.251
Số dư tại ngày 01/01/2017	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	(33.469.685.627)	365.398.314.373
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.354.435.678	10.354.435.678
Số dư tại ngày 31/12/2017	390.000.000.000	6.000.000.000	2.868.000.000	(23.115.249.949)	375.752.750.051

Ghi chú: (i) Điều chỉnh số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm do thay đổi trong chính sách kế toán về việc ghi nhận giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL).

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Số đầu năm	Số cuối năm
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	39.000.000	39.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	39.000.000	39.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	39.000.000	39.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	23.679.770.000	15.444.510.000
	<u>23.679.770.000</u>	<u>15.444.510.000</u>
25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	13.031.520.000	13.032.510.000
	<u>13.031.520.000</u>	<u>13.032.510.000</u>
26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	58.070.690.000	62.536.300.000
	<u>58.070.690.000</u>	<u>62.536.300.000</u>
27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.770.816.730.000	1.566.728.800.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	881.180.000	605.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	122.000.000.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.988.880.000	1.988.880.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	12.871.500.000	8.842.030.000
	<u>1.908.558.290.000</u>	<u>1.578.164.710.000</u>
28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	111.815.900.000	81.562.080.000
	<u>111.815.900.000</u>	<u>81.562.080.000</u>
29. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	93.812.440.271	56.516.782.608
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	2.636.348.633
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	9.424.966	173.610.434
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	8.254.358	172.361.768
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	1.170.608	1.248.666
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	51.095.847	20.240.679
	<u>93.872.961.084</u>	<u>59.346.982.354</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư tiền giao dịch chứng khoán	93.821.865.237	59.104.488.021
Phải trả tiền đặt cọc đấu giá	-	201.700.000
Tiền lãi ngân hàng phải trả Nhà đầu tư	-	20.553.654
	<u>93.821.865.237</u>	<u>59.326.741.675</u>

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN CHÁU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà Machinco Building

Số 444 Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK

Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Đơn vị: VND

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm trước
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	390.110	13.746.273.000	11.668.941.429	2.079.474.592	1.931.107.411
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.209.061	18.466.350.000	17.576.463.825	889.886.175	19.010.955.485
Tổng cộng	1.599.171	32.212.623.000	29.245.405.254	2.969.360.767	20.942.062.896
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	235.900	8.156.390.000	8.826.968.373	(670.578.373)	(16.838.793.817)
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.812.500	25.000.630.000	32.089.870.789	(7.089.240.789)	(2.583.338.743)
Tổng cộng	2.048.400	33.157.020.000	40.916.839.162	(7.759.819.162)	(19.422.132.560)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CHÈNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán		Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá lại cuối năm			Chênh lệch đánh giá lại đầu năm		Chênh lệch tăng đánh giá lại	Chênh lệch giảm đánh giá lại
		C	D	E	F	G	H	I= E-G	K=F-H			
I	FVTPL											
1	Cổ phiếu niêm yết	13.220.482.982	23.462.762.708	10.573.900.264	331.620.538	364.590.471	780.807.205	11.047.339.104	388.842.644			
	API	5.736.542.430	15.623.039.774	9.886.497.344	-	-	680.542.656	10.567.040.000	-			
	VCG	4.035.793.400	3.708.180.800	-	327.612.600	-	-	-	327.612.600			
	VIT	1.512.969.121	1.619.999.821	107.030.700	-	-	-	107.030.700	-			
	PNJ	1.236.784.656	1.781.411.020	544.626.364	-	171.357.960	-	373.268.404	-			
	Các cổ phiếu niêm yết khác	698.393.375	730.131.293	35.745.856	4.007.938	193.232.511	100.264.549	-	61.230.044			
2	Cổ phiếu chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch (UPCOM)	21.783.755.028	19.337.466.056	670.384.722	3.116.673.694	1.803.497.343	1.486.191.215	496.158.725	3.259.753.825			
	PHH	14.207.667.200	12.406.426.175	-	1.801.241.025	1.458.512.800	-	-	3.259.753.825			
	VNB	5.797.108.873	6.467.397.395	670.288.522	-	344.983.838	-	325.304.684	-			
	SFT	1.564.606.500	286.500.395	-	1.278.106.105	-	1.278.106.105	-	-			
	Các cổ phiếu UPCOM khác	214.372.455	177.142.091	96.200	37.326.564	705	208.085.110	170.854.041	-			
3	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	109.477.723.686	109.477.723.686	-	-	-	51.169.800	-	(51.169.800)			
	Tổng	144.481.961.696	152.277.952.450	11.244.284.986	3.448.294.232	2.168.087.814	2.318.168.220	11.543.497.829	3.597.426.669			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức)	72.691.248	671.430.209
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	426.257.943	151.968.056
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	8.198.624.761	8.901.644.221

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	15.984.011.330	5.656.591.490
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.114.429.365	992.349.865
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	61.710.086.991	487.869.986
Chi phí các dịch vụ khác	978.316.837	4.441.726.838

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	1.646.260.273	1.943.128.740
	1.646.260.273	1.943.128.740

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.472.575.698	8.120.182.649
Chi phí vật liệu quản lý	31.693.600	30.195.000
Chi phí công cụ, đồ dùng	400.142.357	462.250.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.996.090	968.286.120
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.530.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	624.274.897	403.816.239
Chi phí khác bằng tiền	3.311.447.475	3.468.621.311
Hoàn nhập dự phòng công nợ	(13.733.851)	-
	14.044.396.266	13.458.882.256

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.946.667.553	4.873.251.006
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.613.411.117)	(4.873.251.006)
Trừ: Thu nhập chưa thực hiện	(7.946.071.160)	(2.168.087.814)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(72.691.248)	(671.430.209)
Cộng: Chi phí không được trừ	2.405.351.291	2.915.180.092
Chuyển lỗ	-	(4.948.913.075)
Thu nhập chịu thuế	7.333.256.436	-
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.466.651.287	-

Trong năm, Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá không có sự khác biệt đáng kể giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ nêu trên. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	1.559.198.151	433.617.563
Chi phí thuế TNDN hoãn lại hoàn nhập	(433.617.563)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.125.580.588	433.617.563

Công ty xác định chi phí thuế TNDN hoãn lại trên cơ sở giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ có sự khác biệt theo giá trị tính thuế và giá trị ghi sổ kế toán. Chi tiết xem Thuyết minh số 22.

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.354.435.678	4.439.633.443
- Trong đó lợi nhuận kế toán đã thực hiện	3.533.945.106	2.705.163.192
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	39.000.000	39.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tính trên tổng lợi nhuận sau thuế TNDN)	265	114
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tính trên lợi nhuận đã thực hiện)	91	69

40. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ là 2.010.957.519 đồng. Tại ngày 31/12/2017, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm tới	1.712.256.132	1.904.279.136
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	310.072.728

Các khoản thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng tại số 334 Hoàng Hoa Thám và các chi nhánh tại Huế và Hồ Chí Minh.

41. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong năm không tách riêng được, do đó Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan.

Số dư bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khoản phải trả khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương	175.000.000	175.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Các khoản lương, thưởng của Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	2.107.983.000	1.648.875.000

43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	9.638.810.990	4.857.809.469
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	375.752.750.051	365.398.314.373
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.638.810.990	4.857.809.469
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	152.277.952.450	140.908.476.713
Các khoản cho vay	155.826.587.917	136.944.431.389
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.125.299.667	2.125.299.667
Phải thu, phải thu khác	34.489.765.061	32.706.062.696
Các khoản ký quỹ	387.823.632	387.823.632
Cộng	354.746.239.717	317.929.903.566
Công nợ tài chính		
Các khoản phải trả	3.658.352.699	3.660.090.898
Chi phí phải trả	607.054.751	1.024.018.344
Phải trả giao dịch chứng khoán	288.809.643	152.978.104
Cộng	4.554.217.093	4.837.087.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ...

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.638.810.990	-	9.638.810.990
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	152.277.952.450	-	152.277.952.450
Các khoản cho vay	155.826.587.917	-	155.826.587.917
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	2.125.299.667	2.125.299.667
Phải thu, phải thu khác	34.489.765.061	-	34.489.765.061
Các khoản ký quỹ	76.135.632	311.688.000	387.823.632
	352.309.252.050	2.436.987.667	354.746.239.717
Số cuối năm			
Các khoản phải trả	3.658.352.699	-	3.658.352.699
Chi phí phải trả	607.054.751	-	607.054.751
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	288.809.643	-	288.809.643
	4.554.217.093	-	4.554.217.093
Chênh lệch thanh khoản thuần	347.755.034.957	2.436.987.667	350.192.022.624
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.857.809.469	-	4.857.809.469
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	140.908.476.713	-	140.908.476.713
Các khoản cho vay	136.944.431.389	-	136.944.431.389
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	2.125.299.667	2.125.299.667
Phải thu, phải thu khác	32.706.062.696	-	32.706.062.696
Các khoản ký quỹ	76.135.632	311.688.000	387.823.632
	315.492.915.899	2.436.987.667	317.929.903.566
Số đầu năm			
Các khoản phải trả	3.660.090.898	-	3.660.090.898
Chi phí phải trả	1.024.018.344	-	1.024.018.344
Phải trả giao dịch chứng khoán	152.978.104	-	152.978.104
	4.837.087.346	-	4.837.087.346
Chênh lệch thanh khoản thuần	310.655.828.553	2.436.987.667	313.092.816.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Một số số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Chi tiết:

Báo cáo tình hình tài chính:

STT	Chi tiêu	Mã số	Số trên báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại	Ghi chú
TÀI SẢN						
1	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	141.058.557.119	(150.080.406)	140.908.476.713	[1]
2	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	(13.058.093.088)	2.318.168.220	(10.739.924.868)	[1]
NGUỒN VỐN						
1	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	356	-	433.617.563	433.617.563	[2]
2	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1	(35.204.155.878)	2.318.168.220	(32.885.987.658)	[1]
3	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2	-	(583.697.969)	(583.697.969)	[1]

Báo cáo kết quả hoạt động:

STT	Chi tiêu	Mã số	Số trên báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại	Ghi chú
1	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	-	2.168.087.814	2.168.087.814	[1]
2	Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	20	49.753.678.276	2.168.087.814	51.921.766.090	[1]
3	Lợi nhuận chưa thực hiện	92	-	2.168.087.814	2.168.087.814	[1]
4	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	-	433.617.563	433.617.563	[2]
5	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	200	2.705.163.192	1.734.470.251	4.439.633.443	[1], [2]

Ghi chú:

- [1] Điều chỉnh số dư đầu kỳ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ do được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- [2] Điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại do ảnh hưởng của điều chỉnh số [1].



Nguyễn Đỗ Lăng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Thanh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hương
 Người lập biểu

LỜI KẾT

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á—Thái Bình Dương.

Chúng tôi cam đoan những thông tin trên là chính xác, tin cậy, và phản ánh chân thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2017 qua. Đồng thời, báo cáo này cũng thể hiện được tầm nhìn, mục tiêu và định hướng của ban lãnh đạo cho năm tài chính 2018 tới đây.

Công ty hi vọng Báo cáo thường niên sẽ cung cấp thêm cho quý cổ đông và những nhà đầu tư quan tâm những thông tin cần thiết để giúp việc ra quyết định và định hướng đầu tư được tốt hơn.

Xin chân thành cảm ơn quý cổ đông đã đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian vừa qua. Kính chúc quý cổ đông sức khỏe, thành công.

Trân trọng ./.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC



